

UBND HUYỆN CHI LĂNG
TRƯỜNG TH&THCS MỎ ĐÁ

Đề thi đề xuất

KỲ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT

NĂM HỌC 2025 - 2026

Môn thi: Tiếng Anh

Đề thi gồm 3 trang 8 phần

Thời gian làm bài: 60 phút

I. Khoanh tròn A, B, C hoặc D tương ứng với từ có phần gạch chân được phát âm khác với phần gạch chân của các từ còn lại. (1,0 điểm).

1. A. climb B. visit C. listen D. habit
2. A. search B. learn C. earth D. heart
3. A. house B. honest C. home D. hand
4. A. invited B. opened C. played D. lived

II. Khoanh tròn A, B, C hoặc D tương ứng với đáp án đúng nhất để hoàn thành các câu dưới đây. (2,0 điểm)

1. He _____ her since last summer.
A. hasn't met B. didn't meet C. haven't met D. don't meet
2. We decided _____ an opportunity to learn a new skill.
A. take B. taking C. to take D. to taking
3. If you want to travel to Australia, you _____ have a valid passport.
A. should B. may C. can D. must
4. We need to _____ our use of plastic to help the environment.
A. look for B. cut down on C. remind D. get on with
5. The student _____ homework is due tomorrow needs to complete it tonight.
A. who B. which C. whose D. whom
6. We saw many unique products at the local _____.
A. historical place B. market C. homestay D. cruise
7. They had _____ a long journey that they were exhausted by the time they arrived.
A. since B. although C. such D. so
8. A: "Could you help me with this project?"
- B: "_____"
A. Sure, I'd be glad to. B. Yes, I'm afraid not. C. Yes, please! D. Don't mention it.

III. Điền vào chỗ trống dạng đúng của từ cho sẵn ở cuối câu để hoàn thành các câu dưới đây. (1,0 điểm)

1. Fashion _____ enjoy an interesting well paid job. **DESIGN**
2. All the children sat up and _____ themselves at the party. **BEHAVIOUR**
3. _____, Mr Smith missed his flight so he won't get to Ha Noi in time for the meeting. **FORTUNE**
4. Mr Robinson is going to Viet Nam in February to attend some _____ events. **CULTURE**

1 _____ 2 _____ 3 _____ 4 _____

IV. Khoanh tròn A, B, C hoặc D tương ứng với đáp án đúng nhất cho mỗi chỗ trống trong đoạn văn dưới đây. (1,5 điểm)

Education in Vietnam has changed a lot (1)_____ the years. A long time ago, students studied in simple classrooms with only a few books and (2)_____ chalkboard. They often had to (3)_____ by the light of oil lamps at home. However, today's schools are much better equipped, (4)_____ helps to support students' learning. Many have computers, libraries, and science labs. Because of these improvements, students can learn more effectively. (5)_____, the subjects taught in schools have expanded to include technology and foreign languages, preparing students for the future. Although there are still challenges, like crowded classrooms, these changes have helped many students gain better (6)_____ in life.

1. A. over B. during C. of D. in
2. A. a B. an C. the D. any
3. A. studied B. studying C. study D. studies
4. A. that B. which C. who D. when
5. A. Additionally B. Therefore C. However D. Moreover

- 6.A. opportunities B. challenges C. experiences D. knowledge

V. **Đọc đoạn văn sau và chọn đáp án đúng nhất bằng cách khoanh tròn A, B, C hoặc D tương ứng cho mỗi câu dưới đây. (1,5 điểm)**

Exploring Da Nang: A Beautiful City in Vietnam

Da Nang is a lovely city in Central Vietnam known for its beautiful beaches and interesting places. Surrounded by tall mountains and clear blue sea, Da Nang is a great place to visit if you want to relax or go on adventures.

One of the most famous spots in Da Nang is Ba Na Hills. Here, you can ride the longest cable car in the world and see amazing views. The Golden Bridge, with its huge stone hands, is a **popular** attraction that many people visit.

Another must-see is My Khe Beach. This beach has soft white sand and clear water, making it perfect for swimming and relaxing. You can also try activities like surfing and paragliding.

Da Nang has many historical and cultural places to visit. The Marble Mountains are a group of hills with caves, temples, and beautiful views. My Son Sanctuary is an old site where you can learn about the ancient Champa people and their culture.

The city is also known for its tasty food. You should try local dishes like Mi Quang (noodles with meat and vegetables), Bun Cha Ca (fish cake soup), and Nem Lui (grilled pork skewers). The Han Market and Con Market are great places to eat street food and buy souvenirs.

In conclusion, Da Nang is a wonderful place with a mix of natural beauty and rich culture. **It** offers a memorable experience for everyone who visits.

1. What is the main topic of the passage?

- A. The historical significance of My Son Sanctuary
B. The natural beauty and cultural attractions of Da Nang
C. The best time to visit Da Nang
D. The different types of food in Da Nang

2. The word "popular" in the passage means ____.

- A. Famous B. New C. Hidden D. Old

3. According to the passage, what can you do at My Khe Beach?

- A. Visit ancient temples B. Swim and relax C. Ride a cable car D. Explore historical sites

4. The word "It" in the sentence "*It offers a memorable experience for everyone who visits*" refers to ____.

- A. Da Nang B. My Khe Beach C. The Golden Bridge D. Ba Na Hills

5. According to the passage, which statement is NOT true about Da Nang?

- A. Da Nang has beautiful beaches and tall mountains.
B. The Marble Mountains have caves and temples.
C. The Han Market and Con Market are places to buy clothes.
D. Da Nang is known for its delicious local dishes.

6. Which famous dishes should you try in DaNang ?

- A. Nem chua B. Vít Quay C. Bun Bo D. Mi Quang

VI. Khoanh tròn A, B, C hoặc D tương ứng với phần gạch chân chứa lỗi sai trong mỗi câu dưới đây. (1,0 điểm)

1. It's difficult for me decide whether I should accept the job or not

- A B C D

2. He works at Heathrow airport, who is one of the biggest airports in the world

- A B C D

3. He spoke so quick that I didn't understand what he meant

- A B C D

4. Mexico city isn't as expensive than LonDon but it is more crowded

- A B C D

VII. Khoanh tròn A, B, C hoặc D tương ứng với câu phù hợp nhất từ những từ/cụm từ gợi ý cho sẵn. (1,0 điểm)

1. Mary/ play/ piano/ while/ her parents/ watch TV.

- A. Mary played the piano while her parents were watching TV
B. Mary was playing the piano while her parents was watching TV

C. Mary was playing the piano while her parents were watching TV

D. Mary was playing the piano while her parents watched TV

2. We/ plan/ have/ picnic/ in/ park/ if/ weather/ nice.

A. We plan to have a picnic in the park if the weather is nice.

B. We plan have a picnic in the part if the weather is nice

C. We plan having a picnic in the park if the weather is nice

D. We plan to had a picnic at the park if the weather is nice

3. I/ suggest/ Tony/ drink / water/ everyday.

A. I suggested that Tony drinking more water everyday

B. I suggested that Tony should drink more water everyday

C. I suggested Tony drinks more water everyday

D. I suggested Tony might drink more water everyday

4. You/ get/ good job/ if/ you/ good/English/and/IT.

A. You must get a good job if you are good for English and IT.

B. You can get good job if you do good at English and IT.

C. You may get a good job if you are good at English and IT.

D. You should get a good job if you can be good at English and IT.

VIII. Hoàn thành câu với từ gợi ý sao cho câu đó có nghĩa không thay đổi với nghĩa của câu đã cho. (1,0 điểm)

1. It's a pity , I don't know how to pronounce this word.

I wish

2. My father walked to the office in spite of the heavy rain.

Although

3. They visited a beach. The beach was very clean and quiet.

They

4. The children are young. It is easy for them to remember the lesson.

The

----- THE END -----

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Đáp án	Điểm
	1	A	0,25
Phần 1 VIII điểm	2	B	0,25
	3	A	0,25
	4	A	0,25
	5	A	0,25
II 2 điểm	6	B	0,25
	7	C	0,25
	8	A	0,25
	9	D	0,25
III 1 điểm	1	DESIGNERS	0,25
	2	BEHAVED	0,25
	3	UNFORTUNATELY	0,25
	4	CULTURAL	0,25

Phần	Câu	Đáp án	Điểm
	1	A	0,25
IV 1,5 điểm	2	A	0,25
	3	C	0,25
	4	B	0,25
	5	D	0,25
V 1,5 điểm	6	A	0,25
	1	B	0,25
	2	A	0,25
	3	B	0,25
	4	A	0,25
	5	C	0,25
VI 1 điểm	6	D	0,25
	1	B	0,25
	2	C	0,25
	3	B	0,25
VII 1 điểm	4	B	0,25
	1	C	0,25
	2	A	0,25
	3	B	0,25
	4	C	0,25

Tổng điểm:

UBND HUYỆN CHI LĂNG
TRƯỜNG THCS XÃ QUAN SƠN
ĐỀ THAM

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10
NĂM HỌC 2025-2026
Môn thi: Tiếng Anh
Thời gian làm bài: 60 phút

I. Khoanh tròn A, B, C hoặc D tương ứng với từ có phần gạch chân được phát âm khác với phần gạch chân của các từ còn lại. (1,0 điểm)

1. A. <u>l</u> ocation	B. <u>p</u> ollute	C. <u>f</u> older	D. <u>n</u> otice
2. A. <u>t</u> reatment	B. <u>i</u> ncrease	C. <u>d</u> ream	D. <u>g</u> reat
3. A. <u>ch</u> ampion	B. <u>ch</u> ocolate	C. <u>ch</u> emist	D. <u>ch</u> ildren
4. A. <u>h</u> umor	B. <u>b</u> ulb	C. <u>d</u> ump	D. <u>a</u> dult

II. Khoanh tròn A, B, C hoặc D tương ứng với đáp án đúng nhất để hoàn thành các câu dưới đây. (2,0 điểm)

- The Internet is a wonderful _____ of modern life.
A. discovery B. exploration C. invention D. result
- It was very _____ of him to share his food with the poor man.
A. open B. generous C. smart D. general
- Can you _____ that strange perfume she is wearing?
A. see B. hear C. feel D. smell
- Peter sent me to buy some pills _____ the chemist's.
A. at B. by C. with D. on
- That's too _____ money for a book like that.
A. many B. any C. some D. much
- The man _____ you met on Main Street yesterday is your new teacher.
A. who B. when C. whose D. which
- Mr. Trung was working in Hai Phong when _____.
A. I see him last B. I was seeing him last
C. I last saw him D. I have last seen him
- I won't travel to London if _____.
A. I didn't get a cheap flight B. I wouldn't get a cheap flight
C. I'm not getting a cheap flight D. I don't get a cheap flight

III. Điền vào chỗ trống dạng đúng của từ cho sẵn ở cuối câu để hoàn thành các câu dưới đây (1,0 điểm)

1. There is a lot of evidence for people to believe the _____ of UFOs.	(EXIST)
2. Many houses in this area are _____ by solar energy.	(HOT)

3. I think his uncle is one of the greatest _____ in my country.	(SCIENCE)
4. Mr. Robinson is going to Viet Nam in February to attend some _____ events.	(CULTURE)

IV. Đọc đoạn văn dưới đây và chọn câu trả lời A, B, C hoặc D nào phù hợp nhất với mỗi chỗ trống (1,5 điểm)

Hobbies are activities that an individual is interested in doing during his spare time. Most people pick up hobbies for (1) _____ and relaxation. Others do it for financial reasons. Some common hobbies that you may have heard of are collecting stamps and coins from different (2) _____, reading, cooking, sports and photography.

Having one or more hobbies is good. It allows a person to develop new skills, have an in-depth understanding of that skill and gain (3) _____ through it. Regardless of the advantages, obtaining personal fulfillment is the utmost aim when a person decides to pursue a hobby.

You do not have to choose a particular hobby based on the (4) _____ you do. A computer programmer may pick up cooking as his hobby. A chef may decide on photography as his interest. There are some people (33) who are engaged in hobbies that provide entertainment to others and income (5) _____ themselves. One such example is the street entertainers.

They play, sing or dance for passers-by. In (6) _____ for their effort, they receive money from the audience on the streets.

1. A. pleasure	B. responsibility	C. duty	D. career
2. A. districts	B. countries	C. provinces	D. councils
3. A. experiences	B. conveniences	C. certificates	D. promotions
4. A. degree	B. job	C. position	D. face
5. A. for	B. with	C. of	D. on
6. A. regard	B. practice	C. theory	D. return

V. Đọc đoạn văn sau và chọn đáp án đúng. (1,5 điểm)

I know that it is my job to make sure that everything goes well for the tourists and I feel I work hard for the company. I cannot be blamed for last week. I met the group 25 at the airport and took them to the coach. The coach driver was a bit annoyed because the flight was late. But it wasn't far to the hotel and everyone was looking forward to their dinner. We hadn't used the Hotel Riviera before but our normal one had a conference in it so was fully booked. When I announced our arrival at the reception desk, they said they were full I had booked rooms for the group but the manager said they were cancelled by phone a few days before. He insisted that he recognized my voice and that I had made the phone call. We had a bit of an argument but they obviously didn't have enough rooms. In the end the manager phoned other hotels in the town and found rooms for everyone but in four different hotels. By this time the coach had gone so we had to get taxis and some of the tourists started to get very angry with me. I still don't know who made that phone call but it definitely wasn't me.

1. *What is the writer trying to do?*

- A. argue B. apologize C. explain D. complain

2. *Who was the text written to?*

- A. one of the tourists B. the writer's employer
C. the hotel manager D. the coach company

3. *Why weren't any rooms available at the Hotel Riviera?*

- A. A conference was taking place there.

B. There were more people in the group than expected

C. Someone had forgotten to book them.

D. Someone had said they were not needed.

4. *What happened in the end?*

A. The tourists got angry with the local manager

B. The tourists couldn't stay together

C. The writer found other hotels with rooms

D. The writer called the coach driver back.

5. *Which of the following diaries was written by one of the tourists?*

A. Someone had made a mistake with our hotel booking and the hotel had given our rooms to other people.

B. The hotel we were taken to wasn't good enough so we asked to change to a different one.

C. We got to the airport and had to wait for the coach. So it was really late when we got to the hotel.

D. The coach driver took us to the wrong hotel and they knew nothing about us.

6. *What did the manager say when he announced his arrival at the reception desk ?*

A. He said they were full

B. He didn't say anything

C. He didn't have enough rooms

D. They were cancelled by phone a few days

VI. Có một lỗi sai ở 4 phần gạch chân của mỗi câu. Tìm lỗi sai A, B, C hoặc D (1,0 điểm)

1. I saw Bill this morning, but I didn't see him since then.

A

B

C

D

2. In spite of the traffic was bad, we arrived on time.

A B

C

D

3. My brother said that he was leaving for the capital tomorrow.

A

B

C

D

4. Mexico City isn't as expensive as London but it is more crowded.

A B

C

D

VII. Khoanh tròn A, B, C hoặc D tương ứng với câu phù hợp nhất từ những từ/cụm từ gợi ý cho sẵn. (1,0 điểm)

1. Tuan usually go to his grandmother's house on Sunday.

A. Tuan usually goes to his grandmother's house on Sunday.

B. Tuan usually goes to his grandmother's house on Sunday.

C. Tuan usually goes to his grandmother's house on Sunday.

D. Tuan usually goes to his grandmother's house on Sunday.

2. We not see him since leaves school.

A. We didn't see him since we have left school.

B. We haven't seen him since we leave school.

C. We haven't seen him since we left school.

D. We will see him since we left school.

3. astronaut/meet/lastweek/talk/experience/space/.

A. The astronaut that we met last week talked about his experience on space.

B. The astronaut whom we met last week talking about his experience in space.

C. The astronaut whose we have met last week talks about his experience on space.

D. The astronaut whom we met last week is talking about his experience in space.

4. You/should/stop/eat/sweets/if/not want/have/toothache/.

A. You should stop eating sweets if you don't want to have a toothache.

B. You should stop to eat sweets if you don't want to have a toothache.

C. You should stop eating sweets if you want to have a toothache.

D. You should stop eating sweets if you don't want having a toothache.

VIII. Hoàn thành câu thứ hai trong mỗi cặp sao cho có nghĩa tương tự đến câu đầu tiên. (1,0 điểm)

1. My parents last went to Ho Chi Minh City in 2013.

My parents haven't _____.

2. "Don't write on the board," said the teacher to the boy.

The teacher told _____.

3. It's a pity I don't know how to pronounce this word.

I wish _____.

4. You remembered to buy me a newspaper, didn't you?

You didn't _____.

HẾT

UBND HUYỆN CHI LĂNG TRƯỜNG THCS XÃ QUAN SƠN	KỲ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT
	NĂM HỌC 2025-2026
	Môn Tiếng Anh
HDC ĐỀ THAM KHẢO	

Phần	Câu	Đáp án	Điểm	Phần	Câu	Đáp án	Điểm
I 1 điểm	1	D	0,25	IV 1,5 điểm	1	A	0,25
	2	C	0,25		2	B	0,25
	3	A	0,25		3	A	0,25
	4	A	0,25		4	B	0,25
	5	A	0,25		5	A	0,25
II 1 điểm	1	C	0,25	V 1,5 điểm	1	C	0,25
	2	B	0,25		2	B	0,25
	3	D	0,25		3	D	0,25
	4	A	0,25		4	B	0,25
	5	D	0,25		5	A	0,25
III 1 điểm	6	A	0,25	VI 1,5 điểm	1	D	0,25
	7	C	0,25		2	A	0,25
	8	D	0,25		3	A	0,25
	9	A	0,25		4	B	0,25
	10	C	0,25		5	A	0,25
IV 1,5 điểm	1	existence	0,25	V 1,5 điểm	1	D	0,25
	2	heated	0,25		2	A	0,25
	3	existence	0,25		3	D	0,25
	4	heated	0,25		4	B	0,25
	5	existence	0,25		5	A	0,25

Tổng điểm:

10,00

*Lưu ý:**-Điểm toàn bài làm tròn đến 0,25.*UBND HUYỆN CHI LĂNG
TRƯỜNG THCS XÃ Y TỊCH*-Thí sinh có đáp án thi và làm bài ở đây.***KÌ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT**
NĂM HỌC 2025- 2026
Môn thi: Tiếng Anh
Thời gian làm bài: 120 phút (không kể thời gian giao đề)
*Đề thi gồm có 04 trang, 08 phần, 40 ý***I. Khoanh tròn A, B, C hoặc D tương ứng với từ có phần gạch chân được phát âm khác với phần gạch chân của các từ còn lại. (1,0 điểm)**

- | | | | |
|----------------------|---------------------|------------------|-------------------|
| 1. A. <u>slowly</u> | B. <u>downtown</u> | C. <u>power</u> | D. <u>crowded</u> |
| 2. A. <u>needed</u> | B. <u>attracted</u> | C. <u>opened</u> | D. <u>decided</u> |
| 3. A. <u>teacher</u> | B. <u>machine</u> | C. <u>change</u> | D. <u>choice</u> |
| 4. A. <u>sees</u> | B. <u>sports</u> | C. <u>pools</u> | D. <u>trains</u> |

II. Khoanh tròn A, B, C hoặc D tương ứng với đáp án đúng nhất để hoàn thành các câu sau đây. (2,0 điểm)

- The the street is, the less I like it. I hate noisy places.
A. busy B. busier C. busiest D. busier
- This beautiful headband us of our holiday in Greece.
A. tells B. shares C. reminds D. makes
- They didn't like the noisy city centre, so they moved to live in a(n) of London.
A. outskirt B. neighbourhood C. area D. suburb
- Mai: Could you open the door, Tom? – Tom: I beg your pardon.
Mai:
A. You're welcome B. Thank you
C. Could you open the door, please? D. Sorry?
- The rules didn't specify to speak to in case of an emergency.
A. what B. who C. where D. how
- They ran of bread when I went to the local bakery yesterday.
A. out B. down C. around D. back
- We are encouraging the people in our community to cut on plastic bags.
A. out B. down C. around D. back
- I live in a street which is full of people and vehicles moving around all day.
A. quiet B. bustling C. calm D. empty

III. Điền vào chỗ trống dạng đúng của từ cho sẵn trong ngoặc đơn để hoàn thành câu (1,0 điểm)

- My area is famous for some such as bun cha, banh cuon and bun oc. (SPECIAL)
- Mau Son Mountain is one of the top tourist in Lang Son. (ATTRACT)
- The apps could recommend to drivers the best routes to avoid traffic (CONGEST)
- Da Nang is one of the most cities with modern facilities. (LIVE)

IV. Khoanh tròn A, B, C hoặc D tương ứng với lỗi sai trong các câu sau (1,0 điểm)

- The closer an area is to the downtown, denser its population is.
A B C D
- Many teens prefer hanging in at shopping malls to outdoor places.
A B C D
- My parents don't know what to put the big sofa.
A B C D
- Her team is carrying at a project to recycle food waste.
A B C D

V. Khoanh tròn A, B, C, D tương ứng với đáp án đúng nhất cho mỗi chỗ trống. (1,5 điểm)

The local newspaper carried out a survey with city dwellers about how to make the city a more (1) _____ place. Most participants in the survey talked about the city's traffic. First, they wanted stricter traffic (2) _____ to stop drivers from ignoring traffic lights and breaking speed limits. This would help reduce road accidents. In addition, they hoped their city would improve its (3) _____ system. For

example, buses should be clean and have air conditioners. There should be bus lines that reach almost all areas in the city, so it would be easy for people to (4) _____. They said that good public transport could also save the city money. The local authority wouldn't need to construct new parking lots and (5) _____ roads to cater for the increasing number of private cars. Finally, the survey participants suggested the local authority build traffic apps. The apps could recommend to drivers the best routes to avoid traffic (6) _____. The sooner the government started implementing these, the more convenient it would be to travel around the city.

- | | | | |
|------------------------|----------------|---------------|---------------|
| 1. A. lifelong | B. living | C. lively | D. liveable |
| 2. A. jams | B. laws | C. lights | D. safety |
| 3. A. public transport | B. underground | C. amenity | D. parking |
| 4. A. go away | B. move in | C. get around | D. come out |
| 5. A. narrow | B. widen | C. reduce | D. block |
| 6. A. signs | B. flow | C. accidents | D. congestion |

VI. Đọc đoạn văn và chọn đáp án đúng nhất bằng cách khoanh tròn A, B, C hoặc D tương ứng cho mỗi câu dưới đây. (1,5 điểm)

Twenty years ago, people tried to leave the suburbs for cities but nowadays many people are reluctant to make such a move. They say that compared to suburban areas, city life has many drawbacks.

The high cost of living is the first disadvantage. The bigger the city is, the higher the living cost is. Accommodation and petrol are expensive. Food and drinks are also pricey. Apart from that, city people seem to suffer from more noise and air pollution. The densely populated neighbourhoods, busy traffic, and big construction sites make cities noisy and dusty. These are harmful to people's health, such as increasing their stress levels, disturbing their sleep and making **them** suffer from breathing problems.

Lack of space is another drawback of city life. House prices are high in the city, so people tend to live in smaller houses or in apartment blocks. Many cities lack spaces for outdoor activities; therefore, teenagers often hang out at shopping malls or in entertainment complexes instead of doing sports outdoors.

The cities' authorities are trying to overcome these problems. However, they still have a long way to go before they can reduce living costs and pollution, and increase green space to make all cities in the world more liveable places.

1. What is the passage mainly about?

- | | |
|---|---------------------------------------|
| A. The reasons for moving to the suburbs. | B. The disadvantages of city life. |
| C. The high cost of living in cities. | D. The causes of pollution in cities. |

2. Why does the author mention "accommodation, petrol, food, and drinks" in paragraph 2?

- A. To give examples of high living costs.
 B. To explain how convenient city life is.
 C. To describe what city people often lack.
 D. To suggest city people save money.

3. What does the word "them" in paragraph 2 refer to?

- | | | | |
|----------------|------------------|----------------|-----------------------|
| A. bad effects | B. stress levels | C. city people | D. construction sites |
|----------------|------------------|----------------|-----------------------|

4. What doesn't make cities noisy and dusty?

- | | |
|-----------------------------|------------------|
| A. Populated neighbourhoods | B. Busy traffic |
| C. Construction sites | D. Traffic rules |

5. According to the passage, teenagers often hang out at shopping malls because _____.

- A. they find shopping malls interesting
 B. they have few places outdoor to play
 C. they prefer them to entertainment complexes
 D. their houses are too small

6. Which of the following is NOT mentioned about city authorities?

- A. They are trying to find solutions to city problems.
 B. They all want to solve problems for all the world's cities.
 C. They hope to lower the costs of living in cities.
 D. They reduced pollution levels in cities by half last year.

VII. Khoanh tròn A, B, C hoặc D tương ứng với câu đúng nhất để hoàn thành các câu sau đây từ

những từ gợi ý. (1,0 điểm)

1. The big/shopping mall/ is, /the/attractive/ it/is/ teenagers.
 A. The bigger the shopping mall is, the more attractive it is to teenagers.
 B. The bigger the shopping mall is, the attractive it is to teenagers.
 C. The bigger the shopping mall is, the more attractive it is to teenagers.
 D. The bigger the shopping mall is, the more attractive it is teenagers.
2. They/decid/ hang/ the cinema/ instead/ a coffee shop.
 A. They decided to hang down at the cinema instead of a coffee shop.
 B. They decided hang out at the cinema instead of a coffee shop.
 C. They decided to hang out at the cinema instead a coffee shop.
 D. They decided to hang out at the cinema instead of a coffee shop.
3. The pottery artisan/can/make/beautiful pots/vases/local clay.
 A. The pottery artisan can makes beautiful pots and vases in local clay.
 B. The pottery artisan cans make beautiful pots and vases in local clay.
 C. The pottery artisan can make beautiful pots and vases from local clay.
 D. The pottery artisan can make beautiful pots at vases from local clay.
4. The doctor/ask/him/cut down/sweet food/drinks.
 A. The doctor asked him cut down on sweet food and drinks.
 B. The doctor asked him to cut down on sweet food and drinks.
 C. The doctor asked him to cut down out sweet food and drinks.
 D. The doctor asked him cut down at sweet food and drinks.

VIII. Hoàn thành câu với từ gợi ý sao cho nghĩa không thay đổi. (1,0 điểm)

1. If you're curious about our culture, you can visit our local museum.
 → If you want to find
2. Do you know the locations to buy traditional handicrafts?
 → Do you know where
3. Can you show me the way to the nearest museum?
 → Can you show me how
4. In our city, we should reduce the private vehicles.
 → In our city, we should cut

----- The end -----

<p>UBND HUYỆN CHI LĂNG TRƯỜNG THCS XÃ Y TỊCH</p>	<p>KÌ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2025- 2026 Môn thi: Tiếng Anh</p>
--	--

**HƯỚNG DẪN CHẤM, BIỂU ĐIỂM
MÔN TIẾNG ANH 9**

(Hướng dẫn chấm gồm 40 ý, 01 trang)

Phần	Câu	Đáp án	Điểm	Phần	Câu	Đáp án	Điểm
I (1.0 Điểm)	1	A	0,25	V (1.5 Điểm)	1	D	0,25
	2	C	0,25		2	A	0,25
	3	B	0,25		3	A	0,25
	4	B	0,25		4	C	0,25
II (2.0 Điểm)	1	D	0,25	VI (1.5 Điểm)	5	B	0,25
	2	C	0,25		6	D	0,25
	3	D	0,25		1	B	0,25
	4	C	0,25		2	A	0,25

	5	B	0,25		Điểm)	3	C	0,25
	6	A	0,25			4	D	0,25
	7	B	0,25			5	B	0,25
	8	B	0,25			6	D	0,25
III (1.0 Điểm)	1	SPECIALITIES	0,25	VII (1.0 Điểm)	1	A	0,25	
	2	ATTRACTIONS	0,25		2	D	0,25	
	3	CONGESTION	0,25		3	C	0,25	
	4	LIVEABLE (LIVABLE)	0,25		4	B	0,25	
IV (1.0 Điểm)	1	C	0,25					
	2	B	0,25					
	3	B	0,25					
	4	B	0,25					

Phần	Câu	Đáp án	Điểm
VIII (1.0 Điểm)	1	If you want to find out our culture, you can visit our local museum.	0,25
	2	Do you know where to buy traditional handicrafts?	0,25
	3	Can you show me how to get to the nearest museum?	0,25
	4	In our city, we should cut down on the private vehicles.	0,25

Tổng điểm: 10,0.

Lưu ý: - Thí sinh có đáp án khác mà đúng thì vẫn được điểm.

Điểm toàn bài được lấy đến chữ số thập phân thứ nhất sau khi làm tròn số.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO LẠNG SƠN
TRƯỜNG PHỔ THÔNG DTNT THCS&THPT
HUYỆN CHI LĂNG

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT
NĂM HỌC 2025-2026
Môn thi: Tiếng Anh
(Đề thi gồm 3 trang, 8 phần)
Thời gian làm bài: 60 phút

ĐỀ THAM KHẢO

I. Choose the word whose underline part is pronounced differently from the rest. Circle A, B, C or D to indicate your answer: (1,0 pt).

1. A. <u>h</u> our	B. <u>h</u> ouse	C. <u>h</u> onest	D. <u>h</u> onour	
2. A. comm <u>u</u> nity	B. constr <u>u</u> ction	C. <u>p</u> ublic	D. <u>u</u> nderground	
3. A. promot <u>e</u> d	B. operat <u>e</u> d	C. explor <u>e</u> d	D. need <u>e</u> d	
4. A. rock <u>s</u>	B. stemp <u>s</u>	C. street <u>s</u>	D. wall <u>s</u>	

II. Choose the best answer A, B, C or D to complete the sentences: (2,0 pts).

1. You should have a dictionary to _____ the words that you don't know their meanings.

A. look after B. look for C. look into D. look up

2. The _____ puts out fires and saves people from dangerous fires.

A. delivery person	B. firefighter	C. police officer	D. electrician
--------------------	----------------	-------------------	----------------

3. The _____ the city is, the higher number of tourists it can attract.

A. famous	B. famouser	C. more famous	D. most famous
-----------	-------------	----------------	----------------

4. My brother is fluent _____ English.

- A. on B. to C. with D. in
 5. Before the Tet holiday, many people go to Bat Trang village to buy _____.
 A. pottery B. silk C. paintings D. drums
 6. If you finish your homework early, you _____ go out with your friends.

A. could	B. can	C. couldn't	D. can't
----------	--------	-------------	----------

7. The Sun, _____ is one of millions of stars in the universe, provides us with heat and light.

A. which	B. that	C. who	D. where
----------	---------	--------	----------

8. Linda: Do you mind helping me with this exercise, Tom? - Tom: _____

A. Great!	B. Thanks.	C. No. I don't mind	D. Please do.
-----------	------------	---------------------	---------------

III. Give the correct form of the word given to complete the sentences: (1,0 pt).

1. She has a _____ career as a lawyer, winning many high-profile cases. (SUCCESS)
 2. The _____ of new technology has revolutionized various industries. (DEVELOP)
 3. I don't think you are right. I'm afraid I completely _____ with you. (AGREE)
 4. _____, people eat sticky rice cakes at Tet. (TRADITION)

IV. Read the text below and decide which answer A, B, C or D best fits each space: (1,5 pts).

There's much more water than land on the (1) _____ of the earth. The seas and oceans cover nearly four-fifth of the whole world, and only one-fifth of its land. If you traveled over the earth (2) _____ different directions, you would have to spend much more of your time (3) _____ on water than on roads or railways. We sometimes forget that for every mile of land are four miles of water. There's so much water in the surface of our earth that we (4) _____ to use two words to describe. We use the word SEAS to describe those parts of water surface which only (5) _____ hundreds of mile, the word OCEANS to describe the huge area of water (6) _____ are thousands of miles wide and very deep.

1. A. cover B. surface C. outer D. outside
 2. A. in B. to C. from D. on
 3. A. to move B. move C. moved D. moving
 4. A. must B. should C. have D. would
 5. A. little B. many C. much D. few
 6. A. who B. which C. where D. whose

V. Read the passage, and choose the correct answer A, B, C or D for each question: (1,5 pts).

Do you ever think about what schools will be like in the future? Many people think that students will study most regular classes such as maths, science and history online. Students will probably be able to these subjects anywhere using a computer. What will happen if students have problems with a subject? They might connect with a teacher through live video conferencing. Expert teachers from learning centres will give students help wherever they live.

Students will still take classes in a school, too. Schools will become places for learning social skills. Teachers will guide students in learning how to work together in getting along with each other. They will help students with group projects both in and out of the classroom.

Volunteer work and working at local businesses will teach students important life skills about the world they live in. This will help students become an important part of their communities. Some experts say it will take five years for changes to begin in schools. Some say it will take longer. Most people agree, though, that computers will change education the way TVs and telephones changed life for people all over the world years before.

1. What is the main idea of the passage?
 A. All classes will be taught online in the future.
 B. Teachers will help students from home in the future.
 C. Kids won't have to go to school in the future.
 D. Computers will change education in the future.
 2. Students will learn important life skills through _____.
 A. working in international businesses B. doing volunteer work
 C. going to school every day D. taking online classes

3. The word “classes” in paragraph 1 is closest in meaning to _____.

- A. rooms
B. books
C. subjects
D. stories

4. The main role of teachers in the future will be _____.

- A. helping students with group projects
B. organising live videoconferences
C. providing students with knowledge
D. guiding students to learn computers

5. The word “They” in paragraph 2 refers to _____.

- A. Computers
B. Schools
C. Students
D. Teachers

6. **Which of the following statements is TRUE?**

- A. Students will still go to school to learn all subjects.
B. Computers will change education as the way TVs and telephones changed life for people.
C. Students might connect with a police if they have problems with a subject.
D. Only some people agree that computers will change education.

VI. Choose the underlined word A, B, C or D in each sentence that needs correcting: (1,0 pt)

1. This is the more delicious food I have ever eaten.

- A B C D

2. They are wondering that where visting next summer vacation.

- A B C D

3. Yesterday, it took me nearly two hours doing my homework.

- A B C D

4. Walk in the rain helps him relax.

- A B C D

VII. Choose the best sentence (A;B;C or D) for the given words above: (1,0 pt).

1. *In spite /be very tired, Nam still finished / homework / going / bed.*

- A. In spite being very tired, Nam still finished his homework before going to bed.
B. In spite of to be very tired, Nam still finished homework before going bed.
C. In spite of be very tired, Nam still finished his homework before going to bed.
D. In spite of being very tired, Nam still finished his homework before going to bed.

2. *While / they / walk / school / they/ see/ accident.*

- A. While they were walking to school, they saw an accident.
B. While they was walking to school, they saw an accident.
C. While they were walking to school, they see an accident.
D. While they walked to school, they see an accident.

3. *If / weather / fine / they / go / camp / their friends.*

- A. If the weather are fine, they will go camping with their friends.
B. If the weather is fine, they would go camping with their friends.
C. If the weather is fine, they will go camping with their friends.
D. If the weather was fine, they will go camping with their friends.

4. *She / work / in/ company/ five / years.*

- A. She has worked in this company for five years ago.
B. She has worked in this company for five years
C. She have worked in this company since five years ago.
D. She has work in this company for five years.

VIII. Complete the second sentence so that it has a similar meaning to the first one: (1,0 pt).

1. Mrs Nga can't speak English well, so she can't get a better job.

→ Mrs Nga wishes _____

2. “ My father is going to buy me a new computer next month”.

→Tom said _____

3. If your mother doesn't rest herself, she really will be ill.

→ Unless _____

4. 4. There were traffic jams in this street during rush hours, but now the street has become much wider.

→ There used _____

THE END

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO LẠNG SƠN
TRƯỜNG PHỔ THÔNG DTNT THCS&THPT
HUYỆN CHI LĂNG

KỲ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT
NĂM HỌC 2025-2026
Môn thi: Tiếng Anh

HƯỚNG DẪN CHẤM**ĐỀ THAM KHẢO**

Phần	Câu	Đáp án	Điểm	Phần	Câu	Đáp án	Điểm
I 1,0 điểm	1	B	0,25	IV 1,5 điểm	1	B	0,25
	2	A	0,25		2	A	0,25
	3	C	0,25		3	D	0,25
	4	D	0,25		4	C	0,25
II 2,0 điểm	1	D	0,25	V 1,5 điểm	5	D	0,25
	2	B	0,25		6	B	0,25
	3	C	0,25		1	D	0,25
	4	D	0,25		2	B	0,25
III 1,0 điểm	5	A	0,25	VI 1,0 điểm	3	C	0,25
	6	B	0,25		4	A	0,25
	7	A	0,25		5	D	0,25
	8	C	0,25		6	B	0,25
III 1,0 điểm	1	successful	0,25	VII 1,0 điểm	1	B	0,25
	2	development	0,25		2	C	0,25
	3	disagree	0,25		3	C	0,25
	4	Traditionally	0,25		4	A	0,25
				VII 1,0 điểm	1	D	0,25
					2	A	0,25
					3	C	0,25
					4	B	0,25

Phần	Câu	Đáp án	Điểm
VIII 1,0 điểm	1	Mrs Nga wishes <i>she could speak English well</i> (to get a better job).	0,25
	2	Tom said (that) his father was going to buy him a new computer the following month.	0,25
	3	Unless your mother rests herself, she really will be ill.	0,25
	4	There used to be traffic jams in this street during rush hours,(but now the street has become much wider).	0,25

Tổng điểm: 10 điểm

- Nếu học sinh có cách làm bài khác mà chính xác thì vẫn chấm điểm tối đa
- Điểm toàn bài để nguyên không làm tròn. (VD: 4,25=4,25; 5,75=5,75)

<p>UBND HUYỆN CHI LĂNG TRƯỜNG THCS XÃ VẠN LINH</p> <p>ĐỀ ĐỀ XUẤT</p>	<p>KỲ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2025-2026 Môn thi: Tiếng Anh (Đề thi gồm 4 trang, 8 phần) Thời gian làm bài: 60 phút</p>
---	--

I. Khoanh tròn A, B, C hoặc D tương ứng với từ có phần gạch chân được phát âm khác với phần gạch chân của các từ còn lại. (1,0 điểm)

1. A. handbag	B. paper	C. passage	D. happy
2. A. remind	B. variety	C. smile	D. machine
3. A. watched	B. stopped	C. improved	D. pushed
4. A. helps	B. laughs	C. cooks	D. finds

II. Khoanh tròn A, B, C hoặc D tương ứng với đáp án đúng nhất để hoàn thành các câu dưới đây. (2,0 điểm)

- My father _____ in this factory 5 years ago.
A. works B. was working C. has worked D. worked
- It's not easy for me to distinguish _____ genuine paintings and copies.
A. between B. for C. within D. on
- If I don't have exams next week, I _____ camping with you.
A. would go B. will go C. went D. go
- The boy _____ is sitting over there is my father.
A. which B. whose C. whom D. who
- When you read in English, use a dictionary to _____ any new words you don't know.
A. note down B. come across C. look up D. turn on
- The Internet is a wonderful _____ of modern life.
A. discovery B. exploration C. invention D. result
- Travelling by bus is much _____ than travelling by car.
A. slowest B. slower C. more slow D. most slow
- A: "How about collecting used paper, bottles and cans?"
- B: "_____"
A. Because they can pollute the environment. B. How come? Who can do that?
C. That's a good idea. Let's do that. D. What about this weekend?

III. Điền vào chỗ trống dạng đúng của từ cho sẵn ở cuối câu để hoàn thành các câu dưới đây. (1,0 điểm)

- There is a lot of evidence for people to believe the _____ of UFOs. **(EXIST)**
- A _____ storm swept through the countryside at midnight. **(DEVASTATE)**
- Did you know that the sun is _____ to your skin and can cause cancer? **(HARM)**
- I want to have the opportunity to _____ in a student exchange program. **(PARTICIPATION)**

IV. Khoanh tròn A, B, C hoặc D tương ứng với đáp án đúng nhất cho mỗi chỗ trống trong đoạn

vấn dưới đây. (1,5 điểm)

The relationship between students and teachers is less formal in the USA than in many other countries. American students do not stand up (1) _____ their teachers enter the room. Students are encouraged to ask questions during class, to stop in the teacher's office for extra help, and to phone if they are absent. Most teachers (2) _____ students to enter class late or leave early if necessary. (3) _____ the lack of formality, students are still expected to be polite to their teachers and fellow classmates.

When students want to ask questions, they usually (4) _____ a hand and wait to be called on. When a test is being given, talking to a classmate is not only rude (5) _____ also risky. Most American teachers consider that students who are talking to each other (6) _____ a test are cheating.

1. A. when B. where C. that D. whether
 2. A. let B. allow C. make D. encourage
 3. A. Though B. In spite C. Despite D. Because

- of
 4. A. rise B. arise C. raise D. put
 5. A. but B. and C. for D.

- as
 6. A. in B. when C. while D. during

V. Đọc đoạn văn sau và chọn đáp án đúng nhất bằng cách khoanh tròn A, B, C hoặc D tương ứng cho mỗi câu dưới đây. (1,5 điểm)

The traditions of Vietnam are affected by Chinese culture for a long time. In family, women had to do all housework, take care of children, their fathers and husbands. They had to **obey** and respect their fathers and husbands in resolving family's problem. Women had no choice in controlling a number of babies **they** needed, partly they had little knowledge about contraception and as result of religious and economic requirement.

Concerning to work and education, in the past, women almost stayed at home and did housework, looked after children and did agriculture jobs like cultivation, livestock breeding, agricultural process and selling agricultural produce. People thought that women should not study high, what women should learn was how to cook well, how to became a good wife, mother. As a consequence, few women **finished** secondary school and some studied primary school. In making decision, women in the past had no right to decide any social and family problems. Their fathers and husbands would decide all problems related to family and society.

1. What is the passage mainly about?
 A. Traditional roles of Vietnamese women in the past.
 B. Traditional roles of Chinese women in the past.
 C. Vietnamese women's role in work and education.
 D. Vietnamese women's roles in family.
2. According to the passage, in the writer's family, women had to do _____.
 A. partly housework, respect children, their fathers and husbands.
 B. all housework, look after children, their fathers and husbands.
 C. all housework, look after their parents and children.
 D. all housework, resolve all family's problem.
3. The word "**obey**" is closest in meaning to _____.
 A. argue B. follow C. discuss D. support
4. What does the word "they" in the first paragraph refer to?
 A. women B. husbands C. babies D. fathers
5. What were the women's roles in the past EXCEPT for _____.
 A. look after children B. sold agricultural produce
 C. decide social and family problems D. did housework
6. It can be inferred from the passage that:
 A. Women in the past had full control over family planning.
 B. Education for women was highly encouraged in traditional Vietnamese society.
 C. Traditional Vietnamese culture placed significant limitations on women's roles and right.
 D. Women in Vietnam were allowed to make important decisions in their households.

VI. Khoanh tròn A, B, C hoặc D tương ứng với phần gạch chân chứa lỗi sai trong mỗi câu dưới

đây. (1,0 điểm)

1. She wishes she knows her neighbor better
A B C D
2. John decided buying a new car in the morning, but in the afternoon he changed his mind.
A B C D
3. I eat vegetables every day despite I don't like them.
A B C D
4. My friends travelled to Asia last year and exploring many countries in the region.
A B C D

VII. Khoanh tròn A, B, C hoặc D tương ứng với câu phù hợp nhất từ những từ/cụm từ gợi ý cho sẵn. (1,0 điểm)

1. I / want/ study / USA, / I / try/ learn/ English.
A. I want to study in the USA, but I try learn English.
B. I want to study in the USA, so I try to learn English.
C. I want to study in the USA, but I try to learn English.
D. I want to study in the USA, so I try learning English.
2. They/ not see/ him/ since /leave school/.
A. They didn't see him since they have left school.
B. They haven't seen him since they leave school.
C. They haven't seen him since they left school.
D. They will see him since they left school.
3. I/ look forward/ travel/ Ha Noi/ next week.
A. I'm looking forward to travel to Ha Noi next week.
B. I'm looking forward travel to Ha Noi next week.
C. I'm looking forward travelled to Ha Noi next week.
D. I'm looking forward to travelling to Ha Noi next week.
4. I/ suggest/ Nga/ drink/ water/ every day.
A. I suggested Nga drinks more water every day.
B. I suggested that Nga drinking more water every day.
C. I suggested Nga might drink more water every day.
D. I suggested that Nga should drink more water every day.

VIII. Hoàn thành câu với từ gợi ý sao cho câu đó có nghĩa không thay đổi với nghĩa của câu đã cho. (1,0 điểm)

1. No one in my group is more intelligent than Mary.
Mary is _____.
2. Yesterday he got up too late to catch the bus.
Yesterday he got up so _____.
3. The last time I met my grandparents was two weeks ago.
I haven't _____.
4. They said, "We have plenty of time to do our work".
They said _____.

HẾT

ĐÁP ÁN ĐỀ THI ĐỀ XUẤT VÀO LỚP 10 THPT

Phần	Câu	Đáp án	Điểm	Phần	Câu	Đáp án	Điểm
I 1,0	1	B	0,25	V 1,5 điểm	1	A	0,25
	2	D	0,25		2	B	0,25
	3	C	0,25		3	B	0,25

điểm	4	D	0,25			4	A	0,25
						5	C	0,25
						6	C	0,25
II 2,0 điểm	1	D	0,25			1	B	0,25
	2	A	0,25	VI 1,0 điểm		2	A	0,25
	3	B	0,25			3	B	0,25
	4	D	0,25			4	C	0,25
	5	C	0,25					
	6	C	0,25			1	B	
	7	B	0,25			2	C	
	8	C	0,25	VII 1,0 điểm		3	D	
III. 1.0 điểm	1	EXISTANCE	0,25			4	D	
	2	DEVASTATING	0,25					
	3	HARMFUL	0,25					
	4	PARTICIPATE	0,25					
IV 1.5 điểm	1	A						
	2	B						
	3	C						
	4	C						
	5	A						
	6	D						

Phần	Câu	Đáp án	Điểm
VI 1,0 điểm	1	Mary is the most intellligent in my group.	0,25
	2	Yesterday he got up so late that he didn't catch the bus.	0,25
	3	I haven't met my grandparents for two weeks.	0.25
	4	They said(that) they had plenty of time to do their work.	

UBND HUYỆN CHI LĂNG TRƯỜNG TH & THCS XÃ BÀNG HỮU		KỲ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT Năm học: 2025 - 2026 Môn : Tiếng Anh Thời gian: 60 phút (Không tính thời gian giao đề)	
ĐỀ ĐỀ XUẤT		HƯỚNG DẪN CHẤM	

I. Khoanh tròn A, B, C hoặc D tương ứng với từ có phần gạch chân được phát âm khác với phần gạch chân của các từ còn lại (1,0 điểm).

- | | | | |
|--------------------------|----------------------|--------------------|-----------------------|
| 1. A. <u>cities</u> | B. <u>facilities</u> | C. <u>names</u> | D. <u>choices</u> |
| 2. A. <u>comfortable</u> | B. <u>inform</u> | C. <u>sport</u> | D. <u>performance</u> |
| 3. A. <u>change</u> | B. <u>chemical</u> | C. <u>chance</u> | D. <u>check</u> |
| 4. A. <u>started</u> | B. <u>decided</u> | C. <u>finished</u> | D. |

invited

II. Khoanh tròn vào đáp án đúng nhất để hoàn thành các câu dưới đây. (2,0 điểm)

1. My brother _____ in that factory for 15 years.
A. works B. was working C. worked D. has worked
2. _____ he likes fast food, he tries not to eat it.
A. Although B. As C. Since D. Despite
3. If I don't have exams next week, I _____ camping with you.
A. will goes B. will have gone C. will go D. would have gone
4. It is not easy for me to distinguish _____ genuine painting and copies.
A. for B. to C. within D. between
5. Lam wore a _____ cap to the festival last week.
A. yellow Mexican beautiful B. Mexican yellow beautiful
C. beautiful yellow Mexican D. beautiful Mexican yellow
6. I came _____ an old friend on the street yesterday morning.
A. over B. across C. down D. in
7. A/An _____ is a person who shows tourists around.
A. artisan B. visitor C. tour guide D. explorer
8. A few kind words at the right time _____ all the difference.
A. make B. give C. do D. take

III. Cho dạng đúng của từ cho sẵn ở cuối câu để hoàn thành các câu. (1,0 điểm)

1. They need to _____ the process to make it more efficient. (SIMPLE)
2. Some of my _____ live in a village outside Thanh Hoa city. (RELATE)
3. If you want to _____ your English, we can help you. (IMPROVEMENT)
4. He answered the questions _____. (EXACT)

IV. Chọn phần gạch chân cần chỉnh sửa A, B, C hoặc D. (1,0 điểm)

1. If you visited my country, you can spend your time sightseeing and eating seafood.
A B C D
2. A new restaurant was opening on Le Loi street three days ago
A B C D
3. The traditional craft has been passed with from generation to generation.
A B C D
4. After we had ate lunch, we went to Bat Trang village to buy some souvenirs.
A B C D

V. Khoanh tròn A, B, C hoặc D tương ứng với đáp án đúng nhất cho mỗi chỗ trống trong đoạn văn dưới đây (1,5 điểm).**How to Study for Success**

Good study habits are important for doing well in school. Students (1) _____ do well have smart ways of learning. First, they try to understand the main idea of what they are reading. This helps them know what to pay attention to. They also find important details and (2) _____ them, instead of just reading everything without thinking.

(3) _____ good habit is using what they already know to learn new things, which helps them understand and remember better. Successful students also know when they don't understand something, so instead of just continuing, they try a new way to learn it. They often check if they understand and fix mistakes quickly.

On the other hand, students who don't do well often have weak study habits. For example, they might depend too much (4) _____ teachers or parents instead of learning on their own. These students may not check if they understand and might not know why they are studying. (5) _____, they also have trouble organising their study time, often forgetting assignments or not finishing work on time.

Overall successful students adapt, organise, and take (6) _____ of their learning, which helps them do

better in school.

(Adapted: <https://www.oxfordlearning.com>)

- | | | | |
|-----------------------------|-------------|--------------|-------------|
| 1. A. which | B. that | C. who | D. where |
| 2. A. transfers
excludes | B. connects | C. includes | D. |
| 3. A. Many | B. Each | C. Much | D. Another |
| 4. A. of
at | B. in | C. on | D. |
| 5. A. Moreover | B. However | C. Therefore | D. Although |
| 6. A. use | B. interest | C. part | D. control |

VI. Đọc đoạn văn sau và chọn đáp án đúng nhất. (1,5 điểm)

The principle of use and disuse states that those parts of organisms' bodies that are used grow larger. Those parts that are not tend to wither away. It is an observed fact that when you exercise particular muscles, **they** grow. Those that are never used diminish. By examining a man's body, we can tell which muscles he uses and which he doesn't, we may even be able to guess his profession or his reaction. Enthusiasts of "body-building" can make use of the principle of use and disuse to "build" their bodies, almost like a piece of sculpture, into whatever unnatural shape is demanded by fashion in this peculiar minority culture. Muscles are not the only parts of the body that respond to use in this kind of way. Walk barefoot and you acquire harder skin on your soles. It is easy to tell a farmer from a bank teller by looking at their hands alone. The farmer's hands are **horny**, hardened by long exposure to rough work. The teller's hands are relatively soft

The principle of use and disuse enables animals to become better at the job of surviving in their world, progressively better during their lifetime as a result of living in that world. Humans, through direct exposure to sunlight, or lack of it, develop a skin color that equips them better to survive in particular local conditions.

Too much sunlight is dangerous. Enthusiastic sunbathers with very fair skin are susceptible to skin cancer. Too little sunlight, on the other hand, leads to vitamin D deficiency and rickets. The brown pigment melanin which is synthesized under the influence of sunlight, makes a screen to protect the underlying tissues from the harmful effects of further sunlight. If a suntanned person moves to a less sunny climate, the melanin disappears, and the body is able to benefit from what little sun there is. This can be represented as an instance of the principle of use and disuse: skin goes brown when it is "used", and fades to white when it is not.

- What does the passage mainly discuss?
 - How the principles of use and disuse change people's concepts of themselves.
 - The way in which people change themselves to conform to fashion.
 - The changes that occur according to the principle of use and disuse.
 - The effects of the sun on the principle of use and disuse.
- The word "**they**" in line 3 refers to _____.
 - organisms
 - bodies
 - parts
 - muscles
- From the passage, it can be inferred that the author views bodybuilding _____.
 - with enthusiasm
 - of doubtful benefit
 - with scientific interest
 - as an artistic form
- Which of the following is NOT true according to the passage?
 - Muscles are the only parts of the body that respond to use in this kind of way.
 - Walk barefoot and you acquire harder skin on your soles.
 - It is easy to tell a farmer from a bank teller by looking at their hands alone.
 - The farmer's hands are horny.
- The word "**horny**" in line 9 is closest in meaning to _____.
 - firm
 - strong
 - tough
 - dense
- It can be inferred from the passage that the principle of use and disuse enables organisms to _____.
 - survive in any condition
 - automatically benefit
 - change their existence
 - improve their lifetime

VII. Khoanh tròn A, B, C hoặc D tương ứng với đáp án đúng nhất để hoàn thành các câu dưới đây. (1,0 điểm)

1. It / be / English / pronunciation / that / cause / me / lot / difficulty.

- A. It is the English pronunciation that causes me a lot of difficulties.
 B. It is the English pronunciations that causes me a lot of difficulties.
 C. It is the English pronunciations that causes me a lots of difficulties.
 D. It is the English pronunciations that causes me a lot of difficulty.

2. When / we / get / cinema / film / show / 20 minutes.

- A. When we got to the cinema, the film has been shown for 20 minutes.
 B. When we gets to the cinema, the film had been shown for 20 minutes.
 C. When we got to the cinema, the film had been shown for 20 minutes.
 D. When we got to the cinema, the film had been shown for 20 minutes.

3. Life / Earth / destroy / unless / nuclear / tests / stop.

- A. Life on Earth will be destroying unless nuclear tests stop.
 B. Life on Earth will be destroyed unless nuclear tests stopping.
 C. Life on Earth will not be destroyed unless nuclear tests stop.
 D. Life on Earth will be destroyed unless nuclear tests stop.

4. Although / living conditions / not good / she / study / very well.

- A. Although her living conditions was not good, she studied very well.
 B. Although her living conditions were not good, she studied very well.
 C. Although her living conditions were not good, she studies very well.
 D. Although hers living conditions were not good, she studied very well.

VIII. Viết lại câu sao cho câu thứ hai có nghĩa giống với câu đã cho (1,0 điểm)

1. Although it was raining heavily, all the guests came.

-> In spite _____

2. People know that he is very rich.

-> He _____

3. "I'll pay him if I can" she said.

-> She said that _____

4. Success depends on your hard word.

-> The harder _____

The end of the test

UBND HUYỆN CHI LĂNG TRƯỜNG TH & THCS XÃ BẢNG HỮU				KỲ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT Năm học: 2025 - 2026 Môn : Tiếng Anh Thời gian: 60 phút (Không tính thời gian giao đề)			
ĐỀ ĐỀ XUẤT				HƯỚNG DẪN CHẤM			
Phần	Câu	Đáp án	Điểm	Phần	Câu	Đáp án	Điểm
I 1,0 điểm	1	D	0,25	III 1,0 điểm	1	<i>SIMPLIFY</i>	0,25
	2	A	0,25		2	<i>RELATIVES</i>	0,25
	3	B	0,25		3	<i>IMPROVE</i>	0,25
	4	C	0,25		4	<i>EXACTLY</i>	0,25
II 2,0 điểm	1	D	0,25	IV 1,0 điểm	1	A	0,25
	2	A	0,25		2	B	0,25
	3	C	0,25		3	C	0,25
	4	D	0,25		4	A	0,25
	5	C	0,25		1	C	0,25
				V			

UBND HUYỆN CHI LĂNG TRƯỜNG THCS TT ĐỒNG MỎ	KỶ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2025-2026 Môn thi: Tiếng Anh Thời gian làm bài: 60 phút , không kể thời gian phát đề
---	--

1. A.funn timer B.abrupt C.erupt D.creature
 2. A.covered B.provided C.received D.destroyed
 3. A.reliable B.variety C.preserved D.resolve
 4. A.plumber B.bathe C.garbage D.symbol

II. Circle the letter A, B, C or D to indicate the correct answer to each of the following questions.

(2,0points)

1. There are many _____ in this country but Buddhism is the strongest.
A. climates B. religions C. currencies D. regions
2. Reading books, listening to radio or watching films are better ways to _____ words.
A. mentioned B. improved C. memorize D. examine
3. Learning a foreign language also includes learning the _____ of that country.
A.reputation B.scenery C.culture
D.sighting
- 4.London, I'll be able to have a chance to speak to _____ speakers.
A.natural B.native C.formal D.national
- 5.People live in the city rarely go hiking _____ its benefits to their health.
A.although B.despite C.because of D.as
6. She asked me if I _____ a laptop computer the following day.
A.buy B. will buy C. bought D. would buy
7. I suggest _____ some money for poor children.
A. raise B. to raise C. raised D. raising
- 8.I can't understand the French visitors. I wish I _____ French.
A. knew B. will know C. know D. have known

III. Give the correct form of the word in brackets to complete each of the following sentences. (1 point)

1. In the supermarket, you can find _____ fruits such as apples, bananas, and oranges. **(VARY)**
2. Elderly people may become _____ on others for assistance with daily tasks. **(DEPEND)**
3. The _____ between summer and winter is the temperature. Summer is hot, and winter is cold. **(DIFFER)**
4. I find it easier to _____ language patterns by practising speaking with native speakers. **(MEMORY)**

IV. Read the following passage and circle the letter A, B, C, or D to indicate the correct word that best fits each of the numbered blanks. (1,5 points)

Learning English

Learning English is very important because it is a (1)_____ language. Many people learn English to travel, study, or (2)_____ in different countries. There are many ways to learn English. Some people go to (3)_____ classes, while others learn online. Reading books, watching movies, and practicing speaking with friends are also helpful.

To (4)_____ English skills, it is important to (5)_____ every day. Writing in English, listening to songs, and using English in daily life can make learning easier. Mistakes are a (6)_____ part of learning, so do not be afraid to make them. Keep practicing, and your English will get better!

1. A. difficult B. local C. global D. private
2. A. sleep B. work C. cook D. dance
3. A. art B. English C. music D. math
4. A. forget B. stop C. improve D. lose
5. A. play B. practice C. relax D. travel
6. A. natural B. dangerous C. bad D. useless

V. Read the following passage and circle the letter A, B, C, or D to indicate the correct answer to each of the questions. (1,5 points)

Plastic is a material we use every day. The first plastics were made more than 100 years ago from parts of plants. Plastics are now made from oil, coal and natural gas. We are using up these things so fast that the Earth's supplies may run out. Because of this, scientists are investigating new ideas for making plastics from plants such as sweet potato, bamboo and flax. Things made from plastic can be

useful for people but bad for the planet. Some plastics can last for a long time without wearing out, and can be difficult to **get rid of** when they are not needed. They can stay in rubbish dumps for hundreds of years. Landfills can be smelly, ugly, and harmful to our planet.

Recycling and reusing are a good way to solve the problem of unwanted plastic. Recycled waste materials can be used again to make new products. Some kinds of plastics can be melted down and used to make new things such as bags and bottles. Others can be made into fibers for clothing. Plastic bottles can be refilled many times, rather than throwing them away once **they** are empty. Unwanted plastic goods such as CDs and toys can be sold or given away to charity shops.

1. Which can be the best title for the passage?

- A. Plastic: benefits and drawbacks
B. Plastic: recycling and reusing
C. Plastic: history and usefulness
D. Plastics: effects and solutions

2. According to the passage, things made from plastic are harmful to the environment because _____.

- A. people don't want to wear clothing made of plastic.
B. plastic can remain for a long time without decomposing.
C. few people use products made of recycled waste materials.
D. plastic can be useful for people.

3. Scientists are investigating new ideas for making plastic from such kinds of plants EXCEPT _____.

- A. bamboo
B. corn stalk
C. sweet potato
D. flax

4. The phrase "**get rid of**" in paragraph 1 is closest in meaning to _____.

- A. keep
B. remove
C. create
D. make

5. The word "**They**" in paragraph 2 refers to _____.

- A. things
B. people
C. Rubbish dumps
D. plastics

6. It can be inferred from the passage that:

- A. All plastics can be easily recycled and reused.
B. The primary material for making plastics has always been plants.
C. Scientists are looking for alternative materials to make plastics because traditional sources are running low.
D. Recycling plastic is not a practical solution to reducing waste.

VI. Circle the option (A hoặc B, C, D needs to correct (1point)

1. My sister enjoys read about wild animals and natural mysteries.

- A B C D

2. Mr. Thach who sing English songs very well is my teacher of English.

- A B C D

3. My father asked us not to spending too much time playing computer games.

- A B C D

4. Ba can plays the piano better than his friends can.

- A B C D

VII. A. Mark the letter A, B, C, or D to indicate the sentence that is best written from the words/phrases given. (1 point)

1. Peter/ suggest/ listen/ to/ radio/ instead/ watch/ TV.

- A. Peter suggested to listen to the radio instead of watching TV.
B. Peter suggested to listen to the radio instead for watching TV.
C. Peter suggested listening to the radio instead to watching TV.
D. Peter suggested listening to the radio instead of watching TV.

2. Tuan/ wish/ there/ be/ no more/ family/ violence/ the world.

- A. Tuan wishes there were no more family violence in the world.
B. Tuan wishes there is no more family violence in the world.
C. Tuan wishes there are no more family violence in the world.
D. Tuan wishes there weren't no more family violence in the world.

3. *The little boy / pretend / sick / he / stay / home / from / school.*

- A. The little boy pretended to be sick although he stayed at home from school.
- B. The little boy pretended to be sick because he would stay at home from school.
- C. The little boy pretended to be sick so that he could stay at home from school.
- D. The little boy pretended to be sick whereas he wanted to stay at home from school.

4. *past/children /not have/many / form /entertainment.*

- A. From the past, children not have many forms of entertainment.
- B. In the past, children didn't have many forms of entertainment.
- C. In the past, children don't have many forms of entertainment.
- D. For the past, children didn't have many forms of entertainment.

VIII. Rewrite each of the sentences below in such a way that it means exactly the same as the one given before it. (1 point)

1. **Although it was raining heavily, all the guests came.**

→ In spite _____.

2. **"You'd better look for a new job, Andrew."**

→ Jane advised _____.

3. **That house is part of the town's heritage, but the council is demolishing it.**

→ I wish _____.

4. **The last time I went to the museum was a year ago.**

→ I haven't _____.

- THE END-

UBND HUYỆN CHI LĂNG TRƯỜNG THCS TT ĐỒNG MỎ				KỲ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2025-2026 Môn Tiếng Anh			
ĐỀ ĐỀ XUẤT				HƯỚNG DẪN CHẤM			
Phần	Câu	Đáp án	Điểm	Phần	Câu	Đáp án	Điểm
I. Pronunciation 1,0 điểm	1	D	0,25	III Word formation 1,0 điểm	1	VARIOUS	0,25
	2	B	0,25		2	DEPENDENT	0,25
	3	B	0,25		3	DEFERENCE	0,25
	4	A	0,25		4	MEMORISE	0,25
II. Language 2,0 điểm	1	B	0,25	IV Reading 1,5 điểm	1	C	0,25
	2	C	0,25		2	B	0,25
	3	C	0,25		3	B	0,25
					4	C	0,25
					5	B	0,25
					6	A	0,25

	4	B	0,25		V Reading 1,5 điểm	1	D	0,25
						2	B	0,25
	5	B	0,25			3	B	0,25
	6	D	0,25			4	B	0,25
	7	D	0,25			5	D	0,25
	8	A	0,25			6	C	0,25
	Phần	Câu	Đáp án			Điểm	Phần	câu
VI Correct mistake 1,0 điểm	1	B	0,25	VII Writing 1,0 điểm	1	D	0,25	
	2	B	0,25		2	A	0,25	
	3	B	0,25		3	C	0,25	
	4	A	0,25		4	B	0,25	
VIII Writing 1,0 điểm	1	In spite of the heavy rain, all the guests came.						0,25
	2	Jane advised Andrew to look for a new job.						0,25
	3	I wish the council were not demolishing that house.						0,25
	4	I haven't been to the museum for a year.						0,25
Tổng điểm: 10,0 điểm								
- Lưu ý: - Điểm toàn bài làm tròn đến 0,25.								
- Thí sinh có đáp án khác mà đúng vẫn được điểm.								

UBND HUYỆN CHI LĂNG
TRƯỜNG THCS XÃ MAI SAO

ĐỀ ĐỀ XUẤT

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10
NĂM HỌC 2025 - 2026

Môn thi: Tiếng Anh
Thời gian làm bài: 60 phút

I. Khoanh tròn A, B, C hoặc D tương ứng với từ có phần gạch chân được phát âm khác với phần gạch chân của các từ còn lại (1,0 điểm)

1. A. teen <u>a</u> ger	B. messag <u>e</u>	C. villag <u>e</u>	D. advantag <u>e</u>
2. A. jeans	B. peac <u>e</u>	C. wea <u>r</u>	D. mea <u>n</u>
3. A. plant <u>e</u> d	B. work <u>e</u> d	C. want <u>e</u> d	D. need <u>e</u> d
4. A. contact <u>s</u>	B. develop <u>s</u>	C. attack <u>s</u>	D. respond <u>s</u>

II. Khoanh tròn A, B, C hoặc D tương ứng với đáp án đúng nhất để hoàn thành các câu dưới đây (2,0 điểm)

1. He _____ this company since last week.	A. has worked	B. have worked	C. works	D. worked
2. We are proud _____ my hometown.	A. on	B. to	C. of	D. about
3. If I knew how to make this cake, I _____ you.	A. help	B. helped	C. will help	D. would help
4. The man _____ is sitting at that desk is my form teacher.	A. whom	B. who	C. which	D. where
5. I don't know this word in English. I will _____ it in a dictionary.	A. look at	B. look after	C. look up	D. look for
6. I'd like to live in the country because the air is so _____ there.				

A. peaceful	B. fresh	C. exciting	D. relaxing
-------------	----------	-------------	-------------

7. I feel so _____ now because my parents do not want me to become a designer.

A. excited	B. interested	C. addicted	D. depressed
------------	---------------	-------------	--------------

8. "I promise I won't do that again". " _____ "

A. I hope so	B. Congratulation!
C. No, thanks	D. I'm sorry I can't

III. Điền vào chỗ trống dạng đúng của từ cho sẵn trong ngoặc đơn để hoàn thành các câu dưới đây (1,0 điểm)

1. They work hard in order to _____ good crops from poor soil. **(PRODUCT)**
2. We will make the school yard a _____ place again. **(BEAUTY)**
3. Tet holiday is the most important _____ for Vietnamese people. **(CELEBRATE)**
4. Please could you speak more _____? **(SLOW)**

IV. Khoanh tròn A, B, C hoặc D tương ứng với đáp án đúng nhất cho mỗi chỗ trống trong đoạn văn dưới đây (1,5 điểm)

Air pollution is a cause of ill-health in human beings. In a lot of countries, there are laws limiting the amount of smoke which factories can produce. (1) _____ there isn't enough information on the effects of smoke in the atmosphere, doctors have proved that air pollution (2) _____ lung diseases.

The gases from the exhausts of car have also increased air pollution in most cities. The lead in petrol produces a (3) _____ gas which often collects in busy streets surrounded by high buildings. Children (4) _____ live in areas where there is a lot of lead in the atmosphere cannot think as quickly as other children and are clumsy when they use their hands.

There (5) _____ other long-term effects of pollution. If the gases in the atmosphere continue to increase, the earth's climate may become (6) _____. A lot of the ice near the Pole may melt and may cause serious flood.

1. A. However	B. Though	C. Therefore	D. Despite
2. A. makes	B. does	C. gets	D. causes
3. A. dirty	B. powerful	C. poisonous	D. harmless
4. A. when	B. who	C. where	D. which
5. A. was	B. were	C. is	D. are
6. A. warmer	B. warmest	C. warm	D. warming

V. Đọc đoạn văn và chọn đáp án đúng nhất bằng cách khoanh tròn A, B, C hoặc D tương ứng cho mỗi câu dưới đây (1,5 điểm).

In today's world, mobile phones have become an essential part of daily life. Almost everyone, from young children to adults, owns a mobile phone. Mobile phones are not just for making calls or sending text messages anymore. They have evolved into powerful tools that allow people to browse the internet, take pictures, watch videos, and even make video calls. With the development of apps, mobile phones now offer a variety of services, from social networking to online banking, shopping, and entertainment.

The convenience of mobile phones has made them indispensable for many people. For example, people can use their phones to navigate by offering GPS and map services. **They** are also useful for staying connected with family and friends, especially during busy times when it is hard to meet in person.

Despite their many benefits, mobile phones can also have negative effects. Children can easily spend a lot of time on their phones, playing games or using social media, which can lead to a waste of time and neglect of their studies. Looking at the phone screen for extended periods can harm their eyes. Therefore, it is important to use mobile phones responsibly and avoid overusing them.

1. What is the main idea of the passage?
 - A. Mobile phones are only used for entertainment.
 - B. Mobile phones are not necessary in today's world.
 - C. Mobile phones cause distractions and affect sleep patterns.
 - D. Mobile phones have many benefits but can be harmful if misused.
2. What was the primary use of mobile phones in the past?

A. Browsing the internet	B. Making calls and sending text messages
C. Taking pictures	D. Watching videos

3. What can people do with mobile phones today?

4. What does the word "indispensable" in the passage mean?

A. Necessary	B. Unnecessary	C. Outdated	D. Expensive
--------------	----------------	-------------	--------------

5. What does the word “**They**” in paragraph 2 refer to?

A. People	B. map services	C. benefits	D. mobile phones
-----------	-----------------	-------------	------------------

6. Which of the following is NOT true according to the passage?
- A. Almost everyone has a mobile phone.
 - B. Mobile phones are useful and necessary.
 - C. People don't need mobile phones.
 - D. People use mobile phones because of the various benefits.

VI. Khoanh tròn A, B, C hoặc D tương ứng với phần gạch chân chứa lỗi sai trong mỗi câu dưới đây. (1,0 điểm)

1. Mother Earth provide us with air to breathe, water to drink and food to eat.
- A B C D

2. He spends two hours to drive to the seaside.
A B C D

3. We had the dinner with our partner in a restaurant last night.
- A B C D

4. If you visited my country, you can spend your time sightseeing and eating seafood.
- A B C D

VII. Khoanh tròn A, B, C hoặc D tương ứng với câu phù hợp nhất từ những từ/ cụm từ gợi ý cho sẵn. (1,0 điểm)

1. My teacher/ tell/ we/ not/ make/ noise/ class.

- A. My teacher told us not to make noisy in class.
B. My teacher told us not to make noises in class.
C. My teacher told us not make noise in class.
D. My teacher told us not to make noise in class.

2. I/ suggest/ we/ plant some trees/ garden.

- A. I suggest that we should plant some trees in the garden.
B. I suggest we planting some trees in the garden.
C. I suggest that we will plant some trees in the garden.
D. I suggest to plant some trees in the garden.

3. *Coffee shops / be/ popular hangout spot/ young people/ Viet Nam.*

- A. Coffee shops is a popular hangout spot for young people in Vietnam.
B. Coffee shops are a popular hangout spot for young people in Vietnam.
C. Coffee shops are popular hangout spot for young people in Vietnam.
D. Coffee shops are a popular hangout spot to young people in Vietnam.

4. *It/ be/ boring speech/ most of us/feel/ sleepy.*

- A. It was so a boring speech that most of us felt sleepy.
B. It was such boring speech that most of us felt sleepy.
C. It was such a boring speech that most of us felt sleepy.
D. It was too boring speech that most of us felt sleepy.

VIII. Hoàn thành câu với từ gợi ý sao cho câu đó có nghĩa không thay đổi với nghĩa của câu đã cho. (1,0 điểm)

1. She began to learn English 5 years ago.

-> She has

2. Lan does not have enough money to buy a new laptop.

-> Lan wishes

3. My sister likes to play pickleball after school.

-> My sister is

4. Mi said, “I want to be a teacher in my hometown.”

-> Mi said _____

----- HẾT -----

UBND HUYỆN CHI LĂNG <u>TRƯỜNG THCS XÃ MAI SAO</u>	KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2025 - 2026 Môn Tiếng Anh HƯỚNG DẪN CHẤM
--	---

Phần	Câu	Đáp án	Điểm
I 1,0 điểm	1	A	0,25
	2	C	0,25
	3	B	0,25
	4	D	0,25
II 2,0 điểm	1	A	0,25
	2	C	0,25
	3	D	0,25
	4	B	0,25
	5	C	0,25
	6	B	0,25
	7	D	0,25
	8	A	0,25
III 1,0 điểm	1	PRODUCE	0,25
	2	BEAUTIFUL	0,25
	3	CELEBRATION	0,25
	4	SLOWLY	0,25

Phần	Câu	Đáp án	Điểm
IV 1,5 điểm	1	B	0,25
	2	D	0,25
	3	C	0,25
	4	B	0,25
	5	D	0,25
	6	A	0,25
V 1,5 điểm	1	D	0,25
	2	B	0,25
	3	B	0,25
	4	A	0,25
	5	D	0,25
	6	C	0,25
VI 1,0 điểm	1	A	0,25
	2	C	0,25
	3	B	0,25
	4	A	0,25
VII 1,0 điểm	1	D	0,25
	2	B	0,25
	3	A	0,25
	4	C	0,25

Phần	Câu	Đáp án	Điểm
VIII 1,0 điểm	1	She has learnt/ learned English for 5 years.	0,25
	2	Lan wishes she had enough money to buy a new laptop.	0,25
	3	My sister is interested in playing pickleball after school./ My sister is keen on playing pickleball after school.	0,25
	4	She said (that) she wanted to be a teacher in her hometown.	0,25

Tổng điểm: 10,00

Lưu ý:

TRƯỜNG TH&THCS XÃ

VÂN THUY

ĐỀ THAM KHẢO

- Điểm toàn bài làm tròn đến 0,25.

- Thí sinh có đủ 10 điểm thì được miễn thi.

NĂM HỌC 2025-2026

Môn thi: Tiếng Anh (Đề
thi gồm 4 trang, 8 phần) Thời

I. Khoanh tròn A, B, C hoặc D tương ứng với từ có phần gạch chân được phát âm khác với phần gạch chân của các từ còn lại. (1,0 điểm)

1. A. <u>channel</u>	B. <u>chat</u>	C. <u>school</u>	D. chance
2. A. <u>behave</u>	B. <u>border</u>	C. <u>explore</u>	D. <u>dependent</u>
3. A. <u>played</u>	B. <u>watched</u>	C. <u>looked</u>	D. <u>missed</u>
4. A. <u>months</u>	B. <u>hats</u>	C. <u>picnics</u>	D. <u>gardens</u>

II. Khoanh tròn A, B, C hoặc D tương ứng với đáp án đúng nhất để hoàn thành các câu dưới đây. (2,0 điểm)

1. I _____ this book from the school library last week.	A. will borrow	B. have borrowed	C. borrowed	D. borrow
2. My father is particularly keen _____ cycling.	A. by	B. at	C. for	D. on
3. Ho Chi Minh City is the _____ one in Viet Nam.	A. larger	B. largest	C. most large	D. largely
4. The artisans in my village usually _____ their skills to their eldest children.	A. come back	B. take care of	C. hand down	D. find out
5. If she _____ her passport, she will be in trouble.	A. loses	B. is lost	C. was lost	D. have lost
6. The train _____ at the station 20 minutes late.	A. got	B. arrived	C. came	D. reached
7. She worked hard, _____ she passed the exam.	A. so	B. however	C. but	D. because
8. Hoa: "How about going for a walk?" An: "_____".	A. Not at all	B. It's over there	C. Don't worry	D. That's a good idea

III. Điền vào chỗ trống dạng đúng của từ cho sẵn ở cuối câu để hoàn thành các câu dưới đây. (1,0 điểm)

1. The village was _____ by the severe storm last week.	DESTRUCTION
2. Hoi An Ancient Town gained UNESCO's _____ as a World Heritage Site in 1999.	
3. John drives _____. He has never caused an accident.	CAREFUL
4. We often take part in many _____ activities at school.	

IV. Khoanh tròn A, B, C hoặc D tương ứng với đáp án đúng nhất cho mỗi chỗ trống trong đoạn văn dưới đây. (1,5 điểm)

Lying next to the beautiful Lan Ha Bay, Cat Ba island is considered one of the must-visit destinations of Vietnam. Cat Ba has three main beaches (1) _____ visitors can sunbathe and enjoy the beauty of the sea, especially at sunset. For those who prefer (2) _____ activities, they can try rock climbing, kayaking, or snorkeling.

Summer is the best time to visit Cat Ba because of the sunny days, less rain and high temperature. There are many suitable beachside activities for tourists to join in. (3) _____, during this time, the beaches can be more crowded than usual. If you want to have the beaches all to yourself, come early in

the morning.

Like (4) _____ islands in Vietnam, Cat Ba offers a wide (5) _____ of quality seafood. The restaurants here have great views of the bay and the service is excellent. Let's (6) _____ a trip to Cat Ba and you will certainly have the best time with your beloved family or friends.

1. A. when	B. where	C. who	D. whom
2. A. physically	B. physician	C. physics	D. physical
3. A. So that	B. Because of	C. Therefore	D. Even
4. A. other	B. others	C. another	D. much
5. A. amount	B. variety	C. sum	D. number
6. A. taking	B. to take	C. take	D. takes

V. Đọc đoạn văn sau và chọn đáp án đúng nhất bằng cách khoanh tròn A, B, C hoặc D tương ứng cho mỗi câu dưới đây. (1,5 điểm)

Books and reading are a very important part of education. If you go into someone's house in the modern world, they will usually have some sort of bookshelf full of books that they like to read. Some very educated or book-loving people have large rooms full of books.

Nowadays, you can have many books without needing a room to store them. The Internet is making it more **efficient** for people to read. Web sites now make it easy for people to buy books. Thousands of books are available online. You can buy used books or new books. Now you can even buy electronic books. The Kindle, released by the web site Amazon, allows people to download books online and read them on the device. People can download hundreds of books at a time and put them on this small, hand-held e-book reader.

The personal libraries of the past still look good and many people still like to have paper books, but e-book readers like the Kindle are changing things fast. Now people can carry huge libraries with them anywhere. People can read books for a lot cheaper as well. Books bought electronically are inexpensive because they do not have to be printed. **They** are stored in files and sold straight to the device. The Kindle and other reading devices are going to change book-buying and reading forever.

- What would be the best title for the passage?
 - Libraries Lost and Forgotten
 - A New Age of Writing
 - Changes in the Reading Culture
 - Electronics Replacing Written Literature
- The author mentions all of the following EXCEPT _____.
 - carrying huge libraries everywhere
 - the Internet making it easier for people to read
 - books and reading as an important part of education
 - where to buy inexpensive books in North America
- The word '**efficient**' is closest in meaning to _____.
 - hard
 - handy
 - happy
 - safe
- What do the Kindle and other e-book readers allow people to do?
 - Read faster
 - Read books with friends
 - Travel with more books
 - Buy more books in stores
- The word '**They**' refers to _____.
 - books
 - people
 - libraries
 - readers
- Why are e-books cheaper to use?
 - Because they are free.
 - Because they do not have to be printed.
 - Because they do not take up a lot of space.
 - Because they are environment-friendly.

VI. Khoanh tròn A, B, C hoặc D tương ứng với phần gạch chân chứa lỗi sai trong mỗi câu dưới đây. (1,0 điểm)

- John decided buying a new car in the morning, but in the afternoon he changed his mind.
A B C D
- My mother still spends 4 hours a day do the housework.
A B C D
- James, which has just received a promotion, is the best worker of our company.
A B C D
- Lots of people choose to buy houses in the suburbs but they can avoid the noise and pollution
A B C D
in the city.

VII. Khoanh tròn A, B, C hoặc D tương ứng với câu phù hợp nhất từ những từ/cụm từ gợi ý cho sẵn. (1,0 điểm)

- I / suggest / Tony / drink / water / every day.*
A. I suggested Tony drinks more water every day.
B. I suggested that Tony should drink more water every day.
C. I suggested that Tony drinking more water every day.
D. I suggested Tony might drink more water every day.
- I wish / pen pal friend / write / me / often.*
A. I wish my pen pal friend wrote to me more often.
B. I wish my pen pal friend writes to me more often.
C. I wish my pen pal friend write to me more often.
D. I wish my pen pal friend had written to me more often.
- If / Mr. Richards / be / late / every day, / he / not / lose / job.*
A. If Mr. Richards wasn't late every day, he wouldn't lose his job.
B. If Mr. Richards weren't late every day, he won't lose his job.
C. If Mr. Richards weren't late every day, he wouldn't lose his job.
D. If Mr. Richards isn't late every day, he won't lose his job.
- Jack / not / drive / careful / Linda / do.*
A. Jack doesn't drive as carefully than Linda does.
B. Jack doesn't drive as careful as Linda does.
C. Jack doesn't drive as carefully as Linda does.
D. Jack doesn't drive more carefully as Linda does.

VIII. Hoàn thành câu với từ gợi ý sao cho câu đó có nghĩa không thay đổi với nghĩa của câu đã cho. (1,0 điểm)

- Sarah is a better swimmer than Jessica.
-> Jessica doesn't _____.
- What a pity! I can't answer this question.
-> I wish I _____.
- The car is very beautiful. Tom bought it last week.
-> The car _____.
- "Where do you buy this laptop?" My friend asked me.
-> My friend asked _____.

_____ HẾT _____

TRƯỜNG TH&THCS XÃ VÂN THỦY	KỲ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2025-2026 Môn Tiếng Anh HƯỚNG DẪN CHẤM
ĐỀ THAM KHẢO	

Phần	Câu	Đáp án	Điểm
I 1 điểm	1	C	0,25
	2	B	0,25
	3	A	0,25
	4	D	0,25
II 2 điểm	1	C	0,25
	2	D	0,25
	3	B	0,25
	4	C	0,25
	5	A	0,25
	6	B	0,25
	7	A	0,25
	8	D	0,25
III 1 điểm	1	DESTROYED	0,25
	2	RECOGNITION	0,25
	3	CAREFULLY	0,25
	4	CULTURAL	0,25

Phần	Câu	Đáp án	Điểm
IV 1,5 điểm	1	B	0,25
	2	D	0,25
	3	C	0,25
	4	A	0,25
	5	B	0,25
	6	C	0,25
V 1,5 điểm	1	C	0,25
	2	D	0,25
	3	B	0,25
	4	C	0,25
	5	A	0,25
	6	B	0,25
VI 1 điểm	1	A	0,25
	2	D	0,25
	3	A	0,25
	4	C	0,25
VII 1 điểm	1	B	0,25
	2	A	0,25
	3	D	0,25
	4	C	0,25

Phần	Câu	Đáp án	Điểm
VIII 1 điểm	1	Jessica doesn't swim as well as Sarah.	0,25
	2	I wish I could answer this question.	0,25
	3	The car which/ that Tom bought last week is very beautiful.	0,25
	4	My friend asked me where I bought that laptop.	0,25

Tổng điểm: 10,00

Lưu ý:

- Điểm toàn bài làm tròn đến 0,25.

- Thí sinh có đáp án khác mà đúng vẫn được điểm.

TRƯỜNG TH&THCS XÃ
LIÊN SƠN

ĐỀ ĐỀ XUẤT

KỲ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT

NĂM HỌC 2025 - 2026

Môn thi: Tiếng Anh

Thời gian làm bài: 60 phút

(không kể thời gian giao đề)

Điểm của bài thi
Bằng số Bằng chữHọ tên, chữ ký
Giám khảo số 1:.....
.....
Giám khảo số 2:.....
.....SỐ PHÁCH
(Do Chủ tịch HĐ chấm thi ghi)**I. Khoanh tròn A, B, C hoặc D tương ứng với từ có phần gạch chân được phát âm khác với phần gạch chân của các từ còn lại (1,0 điểm).**

1. A. pottery B. local C. control D. so
2. A. attraction B. establish C. artisan D. handicraft
3. A. helped B. struggled C. remarked D. watched
4. A. second B. prevent C. protect D. happen

II. Khoanh tròn A, B, C hoặc D tương ứng với đáp án đúng nhất để hoàn thành các câu dưới đây (2,0 điểm).

1. She wishes she _____ a good job now
A. has B. had had C. had D. is having
2. I suggest _____ some money for poor children.
A. raise B. to raise C. raised D. raising
3. Have you evera letter to the local authorities to complain about the public transport in your town?
A. wrote B. writing C. written D. write
4. When are youvacation with your family, Lan?
A. on B. by C. with D. to
5. If youlate, you wouldn't finish your work.
A. come B. coming C. to come D. came
6. I think I've lost my new hat. I'veit everywhere but I can't find it.
A. looked out B. looked in C. looked on D. looked for
7. You have read this article on the website, _____?
A. haven't you B. do you C. have you D. did you
8. Nam: I've just finished my painting. Look! Tam: " _____ "
A. How cool! B. I wish I could do it C. Wow, I can't imagine that. D. Sure

III. Điền vào chỗ trống dạng đúng của từ cho sẵn trong ngoặc đơn để hoàn thành các câu dưới đây (1,0 điểm).

1. Scientists are seeking the best ways to deal with theimpact of pollution. (ENVIRONMENT)
2. Although her leg was broken, she to get out of the car. (MANAGEMENT)
3. Traditional are a good source of fun and entertainment. (CELEBRATE)
4. You should buy this book . It's very (INFORM)

IV. Khoanh tròn A, B, C hoặc D tương ứng với thành phần được gạch chân chưa đúng chuẩn ngữ pháp hoặc từ ngữ (1,0 điểm).

1. The earth is the only planet with a large number of oxygen in its atmosphere.
A B C D
2. If you work hard, you would be successful in anything you do.
A B C D
3. Paris is much more exciting as I expected.
A B C D

4. A dangerously situation was created by the bad roads.

A B C D

V. Khoanh tròn A, B, C hoặc D tương ứng với đáp án đúng nhất cho mỗi chỗ trống trong đoạn văn dưới đây (1,5 điểm).

Nowadays, people (1)..... destroying rain forests of the earth seriously. It is (2) _____ that every year 100,000 square kilometers of rain forests are (3) _____ for supply of wood paper and fuel as well as for the residence and (4)_____ land. Rain forests are very important for the world's climate. They receive the rainfall on the earth and produce a large amount of the world's oxygen. Destroying rain forests,(5)_____, is destroying our environment. Saving rain forests is an international problem. Nations need cooperation to (6) _____ rain forests, if not, it will be late.

1. A. is B. am C. are D. was
2. A. interesting B. pleasure C. exhausted D. estimated
3. A. destroyed B. grow C. planted D. protected
4. A. corn B. farming C. field D. rice
5. A. so B. however C. moreover D. therefore
6. A. take B. help C. save D. cut

VI. Đọc đoạn văn và chọn đáp án đúng nhất bằng cách khoanh tròn A, B, C hoặc D tương ứng cho mỗi câu dưới đây (1,5 điểm).

Do you ever think about what schools will be like in the future? Many people think that students will study most regular classes such as maths, science and history online.

Students will probably learn these subjects anywhere using a computer. What will happen if students have problems with a subject? They might connect with a teacher through live video conferencing. Expert teachers from learning centres will give students help wherever they live.

Students will still take classes in a school, too. Schools will become places for learning social skills. Teachers will guide students in learning how to work together in getting along with each other. They will help students with group projects both in and out of the classroom.

Volunteer work and working at local businesses will teach students important life skills about the world they live in. This will help students become an important part of their communities.

Some experts say it will take five years for changes to begin in schools. **Some** say it will take longer. Most people agree, though, that computers will change education the way TVs and telephones changed life for people all over the world years before.

1. What will happen if students meet difficulties with a subject?
 - A. Teachers from learning centres will give them help through live video conferencing.
 - B. They will meet their teachers in person for help with problems with the subject.
 - C. They will telephone the teachers who are staying at the school to seek their help.
 - D. Schools will organise a live video conference for teachers to help students with problems.
2. Students will still go to school to _____.
 - A. learn all subjects
 - B. play with their friends
 - C. use computers
 - D. learn social skills
3. The main role of teachers in the future will be _____.
 - A. providing students with knowledge
 - B. guiding students to learn computers
 - C. helping students with group projects
 - D. organising live video conferences
4. Students will learn important life skills through _____.
 - A. going to school every day
 - B. taking online classes
 - C. working in international businesses
 - D. doing volunteer work
5. "**Some**" in line 11 means
 - A. teachers
 - B. schools
 - C. experts
 - D. students
6. What is the main idea of the passage?
 - A. Kids won't have to go to school in the future.
 - B. Computers will change education in the future.
 - C. All classes will be taught online in the future.
 - D. Teachers will help students from home in the future.

VII. Khoanh tròn A, B, C hoặc D tương ứng với câu đúng được hình thành từ các từ, cụm từ cho trước (1,0 điểm).

- I / not see / Mai / since / we leave / school.
 A. I has not seen Mai since we left the school.
 B. I have not seen Mai since we left the school.
 C. I have not saw Mai since we left the school.
 D. I have not see Mai since we left the school.
- Hung / go / school / on time / if / had / alarm clock.
 A. Hung would go to school on time if he had an alarm clock.
 B. Hung would go to school on time if he has an alarm clock.
 C. Hung would go to school on time if he have an alarm clock.
 D. Hung will go to school on time if he had an alarm clock.
- I wish / not have / much work / do.
 A. I wish I not have so much work to do.
 B. I wish I don't have so much work to do.
 C. I wish I didn't have so much work to do.
 D. I wish I didn't had so much work to do.
- My brother/ come/ Hanoi/ 7pm./ yesterday.
 A. My brother come to HN at 7pm yesterday.
 B. My brother came to HN on 7pm yesterday.
 C. My brother comes to HN at 7pm yesterday.
 D. My brother came to HN at 7pm yesterday.

VIII. Hoàn thành câu với từ gợi ý sao cho có nghĩa câu giống với câu đã cho (1,0 điểm).

- My family spent three days in France. Its culture is interesting.
 -> My family.....
- She asked, "Where would you go if you had a chance to travel to Europe?"
 -> She asked me where.....
- Khanh started playing computer games in 2012
 -> Khanh has.....
- My sister was tired but she helped me with my homework.
 -> Although

**ĐÁP ÁN ĐỀ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2025-2026
MÔN TIẾNG ANH**

Phần	Câu	Đáp án	Điểm
I 1,0 điểm	1	A	0.25
	2	C	0.25
	3	B	0.25
	4	D	0.25
II 2,0 điểm	1	C	0.25
	2	D	0.25
	3	C	0.25
	4	A	0.25
	5	D	0.25
	6	D	0.25
	7	A	0.25
	8	C	0.25

Phần	Câu	Đáp án	Điểm
V 1,5 điểm	1	C	0.25
	2	D	0.25
	3	A	0.25
	4	B	0.25
	5	D	0.25
	6	C	0.25
VI 1,5 điểm	1	A	0.25
	2	D	0.25
	3	C	0.25
	4	D	0.25
	5	C	0.25
	6	B	0.25

III 1.0 điểm	1	ENVIRONMENTAL	0.25
	2	MANAGED	0.25
	3	CELEBRATIONS	0.25
	4	INFORMATIVE	0.25
IV 1.0 điểm	1	B	0.25
	2	B	0.25
	3	C	0.25
	4	A	0.25

VII 1.0 điểm	1	B	0.25
	2	A	0.25
	3	C	0.25
	4	D	0.25

Phần	Câu	Đáp án	Điểm
VIII 1.0 điểm	1	My family spent three days in France, whose culture is interesting.	0.25
	2	She asked me where I would go if I had a chance to travel Europe.	0.25
	3	Khanh has played computer games since 2012.	0.25
	4	Although my sister was tired, she helped me with my homework.	0.25

_____ **THE END** _____

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO LẠNG SƠN
TRƯỜNG THCS QUANG LANG

ĐỀ ĐỀ XUẤT

KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT
NĂM HỌC 2026 - 2027

Môn thi: Tiếng Anh

Thời gian làm bài: 60 phút (không kể thời gian
giao đề)

Họ và tên:

I. Circle the letter A, B, C, or D to indicate the word whose underlined part differs from the other three in pronunciation in each of the following questions. (1 point)

1. A. round B. sound C. country D. about
2. A. beach B. clean C. ready D. leave
3. A. played B. watched C. worked D. stopped
4. A. books B. pens C. laughs D. brackets

II. Circle the letter A, B, C or D to indicate the correct answer to each of the following questions. (2,0 points)

1. If I knew how to repair the machine, I _____ you.
A. help B. will help C. would help D. helped
2. He is not very good _____ mathematics.
A. on B. in C. for D. at
3. The car _____ he has just bought is very expensive.
A. who B. which C. where D. whom
4. Nam looks much _____ today than yesterday.
A. good B. well C. better D. the best
5. My brother enjoys _____, but he also likes eating out at restaurants.
A. to cook B. cook C. cooked D. cooking
6. They didn't go on a picnic _____ the weather was awful.
A. so B. although C. because D. because of
7. The party was nice, _____?
A. isn't it B. wasn't it C. doesn't it D. didn't it
8. Minh: "I have bought you a dress. Happy birthday to you!" Hoa: " _____"
A. The same to you! B. What a pity! C. Have a nice day! D. What a lovely dress! Thanks.

III. Give the correct form of the word in brackets to complete each of the following sentences. (1 point)

1. We should turn off the lights when going out to save _____. **ELECTRIC**
 2. There was no _____ for his absence from class yesterday. **EXPLAIN**
 3. Designers have _____ the Ao Dai for ages. **MODERN**
 4. They started their trip on a beautiful _____ morning. **SUN**
- 1 _____ 2 _____ 3 _____ 4 _____

IV. Read the following passage and circle the letter A, B, C, or D to indicate the correct word that best fits each of the numbered blanks. (1,5 points)

A GREAT FLOOD HITS NEW TOWN

A great flood (1) _____ hit New Town again. It has damaged lots of houses and buildings in the town. More than 50 people don't have anywhere to live now (2) _____ their houses have totally been covered with water. The train (3) _____ has been closed and there has been no traffic on the streets since yesterday. The government (4) _____ more police officers to rescue people in the flood. The flood hit the town (5) _____, so people didn't know what to expect and how to escape. This is the (6) _____ flood that has ever hit the town. Now, people in New Town really need food and clean water. If you want to donate, please contact the London Red Cross, 123 Main Street, London.

1. A. have B. has C. is D. was

- | | | | |
|-----------------|-------------|-------------|------------|
| 2. A. because | B. although | C. so | D. but |
| 3. A. stops | B. stop | C. stations | D. station |
| 4. A. have sent | B. send | C. has sent | D. sends |
| 5. A. quickly | B. quick | C. slow | D. slowly |
| 6. A. bad | B. worse | C. worst | D. badly |

V. Read the following passage and circle the letter A, B, C, or D to indicate the correct answer to each of the questions. (1,5 points)

Jobs in the Future

In the future, many jobs will change because of technology. Some jobs that we have today might disappear, but new jobs will also be created. For example, robots and machines may do many tasks in factories, so there will be fewer factory workers. However, people will still need to repair and program these machines.

In the healthcare industry, doctors may use advanced technology to help patients, but nurses will still be important to take care of people. There may also be new jobs in fields like virtual reality, artificial intelligence, and space exploration.

Even though some jobs will change, certain skills will always be valuable. Communication, problem-solving, and creativity will help people succeed in many different kinds of jobs. So, learning these skills today can help prepare for the future.

1. What might robots and machines do in the future?

- | | | | |
|-------------------|----------------------|--------------|----------------|
| A. Teach students | B. Work in factories | C. Cook food | D. Write books |
|-------------------|----------------------|--------------|----------------|

2. Who will still be important in healthcare?

- | | | | |
|--------------------|--------------|-----------|-------------|
| A. Factory workers | B. Engineers | C. Nurses | D. Teachers |
|--------------------|--------------|-----------|-------------|

3. What are examples of new fields for future jobs?

- | | |
|------------------------------|--|
| A. Marketing and advertising | B. Virtual reality and space exploration |
| C. Accounting and finance | D. Sports and tourism |

4. Why will certain skills like communication and problem-solving be important?

- A. Because technology will stop growing
 B. Because factories will need more workers
 C. Because people will always need these skills in different jobs
 D. Because machines will do all jobs

5. According to the text, what should people learn today to prepare for future jobs?

- | | |
|--------------------------|---|
| A. How to build machines | B. How to cook food |
| C. How to drive a car | D. Skills like creativity and communication |

6. What is the main message of the text?

- A. All jobs will disappear in the future
 B. Technology will not affect jobs
 C. People should learn important skills to succeed in future jobs
 D. Future jobs will only be in factories

VI. Circle the option (A hoặc B, C, D needs to correct (1point))

1. At the summer camp last year children swam, rode horses, and play baseball.

- | | | | |
|---|---|---|---|
| A | B | C | D |
|---|---|---|---|

2. The children laughed happy when they saw the monkeys eating bananas.

- | | | | |
|---|---|---|---|
| A | B | C | D |
|---|---|---|---|

3. Most students in my class like our English teacher because he has a good mood of humour.

- | | | | |
|---|---|---|---|
| A | B | C | D |
|---|---|---|---|

4. I invited Tim to my birthday party, so I haven't had a reply from him yet .

- | | | | |
|---|---|---|---|
| A | B | C | D |
|---|---|---|---|

VII. A. Mark the letter A, B, C, or D to indicate the sentence that is best written from the words/phrases given. (1 point)

1. I/ arrive/ Ha Noi/ 9 a.m/ yesterday.

- A. I arrived in Hanoi at 9 a.m yesterday.
 B. I arrive in Ha Noi on 9 a.m yesterday.
 C. I am arriving in Ha Noi at 9 a.m yesterday.

- D. I arrived in Ha Noi 9 a.m yesterday.
2. It/ very interesting/ walk/ the beach.
 A. It was very interesting walking to the beach.
 B. It is very interesting to walk at the beach.
 C. It were very interesting to walk in the beach.
 D. It is very interesting to walk on / along the beach.
3. We/ delighted/ get/ your/ letter/ yesterday.
 A. We are delighted to get your letter yesterday.
 B. We were delighted to get your letter yesterday.
 C. We were delighted getting your letter yesterday
 D. We was delighted getting your letter yesteday.
4. Mai/ used/ visit / me/ when/ live/ Lang Son.
 A. Mai used to visit me when she lived in Lang Son.
 B. Mai is used to visit me when she lived in Lang Son.
 C. Mai use to visit me when she lives in Lang Son.
 D. Mai uses to visit me when she lived in Lang Son.

VIII. Rewrite each of the sentences below in such a way that it means exactly the same as the one given before it. (1 point)

1. My father has repaired this bike since this morning.
 This bike _____
2. He smokes too much so he can't get rid of his cough.
 If he _____
3. "Why don't you get up earlier, Duong?" Hoa said.
 Hoa suggested _____
4. He spent the whole morning writing the composition.
 It took him _____

-----HẾT-----

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO LẠNG SƠN TRƯỜNG THCS QUANG LANG				KỲ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2026-2027 Môn Tiếng Anh			
ĐỀ ĐỀ XUẤT				HƯỚNG DẪN CHẤM			
Phần	Câu	Đáp án	Điểm	Phần III	Câu	Đáp án	Điểm
I. Pronunciation 1,0 điểm	1	C	0,25	Word formation 1,0 điểm	1	ELECTRICITY	0,25
	2	C	0,25		2	EXPLANATION	0,25
	3	A	0,25		3	MODERNIZED	0,25
	4	B	0,25		4	SUNNY	0,25
II. Language 2,0 điểm	1	C	0,25	IV	1	B	0,25
	1	C	0,25		2	A	0,25
	2	D	0,25		3	D	0,25

Phần VI Correct mistake 1,0 điểm	3	B	0,25	Reading 1,5 điểm	4	C	0,25	
					5	A	0,25	
					6	C	0,25	
					1	B	0,25	
		4	C	0,25	V Reading 1,5 điểm	2	C	0,25
						3	B	0,25
						4	C	0,25
						5	B	0,25
	8	D	0,25		6	D	0,25	
	1	D	0,25	Writing VII 1,0 điểm	1	A	0,25	
					2	A	0,25	
					3	B	0,25	
					4	A	0,25	
	Writing VIII 1,0 điểm	1	This bike has been repaired by my father since this morning					0,25
		2	If he smokes too much, he can't get rid of his cough.					0,25
3		Hoa suggested Duong that he should get up earlier.					0,25	
4		It took him the whole morning to write the composition.					0,25	
Tổng điểm: 10 điểm								
- Thí sinh có đáp án khác mà đúng vẫn được điểm.								

UBND HUYỆN CHI LĂNG TRƯỜNG TH&THCS GIA LỘC	KỶ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2025-2026 Môn thi: Tiếng Anh Thời gian làm bài: 60 phút(không kể thời gian giao đề)
ĐỀ ĐỀ XUẤT	

I. Khoanh tròn A, B, C hoặc D tương ứng với từ có phần gạch chân được phát âm khác với phần gạch chân của các từ còn lại (1,0 điểm).

1	A. <u>prou</u> d	B. <u>arou</u> nd	C. <u>althoug</u> h	D. <u>abou</u> t
2	A. <u>caps</u>	B. <u>jeans</u>	C. <u>pants</u>	D. <u>books</u>
3	A. <u>gath</u> er	B. <u>th</u> anks	C. <u>thi</u> ngs	D. <u>sou</u> th
4	A. <u>pass</u> ed	B. <u>wat</u> ched	C. <u>play</u> ed	D. <u>wash</u> ed

II. Khoanh tròn A, B, C hoặc D tương ứng với đáp án đúng nhất để hoàn thành các câu dưới đây (2,0 điểm).

1. Hoa was the only student could do this exercise.

A. which	B. whom	C. Who	D that
----------	---------	--------	--------

2. If men were only more reasonable, there no more wars.

- | | | | | |
|----------|-------------------|-----------------------|---------------|---------------|
| A | A. will be | B. B. would be | C. was | D were |
|----------|-------------------|-----------------------|---------------|---------------|

3. I wish I The answer to this question.

- | | | | |
|----------------|------------------------|----------------|----------------|
| A. know | B. B. will know | C. knew | D known |
|----------------|------------------------|----------------|----------------|

4. This is the second time she has been here,

- | | | | |
|-------------------|----------------------|----------------------|-------------------|
| A. has she | B. hasn't she | C. isn't this | D isn't it |
|-------------------|----------------------|----------------------|-------------------|

5. They suggestthe bus for it's raining heavily.

6. She speaks English _____ than anyone else in the class.
A. good B. better C. well D. best

7. She is very tired;, she has to finish her homework.

- | | | | |
|--------------------|--------------|---------------|-------------------|
| A. moreover | B. so | C. and | D. however |
|--------------------|--------------|---------------|-------------------|

8. I get up early when I was young.

- | A | A. used to | B. used | C. uses | D. using |
|---|------------|---------|---------|----------|
|---|------------|---------|---------|----------|

III. Điền vào chỗ trống dạng đúng của từ cho sẵn ở cuối câu để hoàn thành các câu dưới đây (1,0 điểm).

1. The _____ captivated the audience from start to finish. PERFORM

2. We need to _____ the process to make it more efficient. SIMPLE

3. This coffee is too _____ to drink. HEAT

- | | | |
|--------|--|-------|
| 4. Her | shone through when she received the good news. | HAPPY |
|--------|--|-------|

IV. Khoanh tròn A, B, C hoặc D tương ứng với từ hoặc cụm từ được gạch chân cần phải sửa để các câu sau trở nên chính xác (1,0 điểm).

1. He suggested that they should watched a football match on TV.

- A B C D

2. A new restaurant was opening on Main Street last week.

- | A | B | C | D |
|---|---|---|---|
|---|---|---|---|

3. If I am you, I would learn harder

- A B C D

4. What is the higher mountain in the world?

- A B C D

V. Khoanh tròn A, B, C hoặc D tương ứng với đáp án đúng nhất cho mỗi chỗ trống trong đoạn văn dưới đây (1,5 điểm).

How many people do you communicate with in a day? Probably a lot more than you (1) _____ ten years ago. With a (2) _____ pieces of equipment, we can ‘talk’ to people in more and more ways, not just face-to-face and on the phone, but also via the Internet. It is very important, therefore, (3) _____ everyone to try and improve their communication skills. Despite all the technological advances of recent years, the art of good conversation is still at the heart of successful communication. So it’s a good idea to remember the four golden rules of good communication. Firstly, be as clear as you can. Misunderstandings arise if we don’t say exactly what we mean. Secondly, we have to work (4) _____ at listening. (5) _____ attention to what the other person is saying. Thirdly, ask other people what they think, don’t only tell them what you think. And finally show respect for other people, give them time to say (6) _____ they want, and show interest in what they say. If you follow these rules, you will be a good communicator.

- | | | | |
|------------|---------|------------|-------------|
| 1. A. have | B. do | C. did | D. had done |
| 2. A. lot | B. many | C. few | D. little |
| 3. A. for | B. to | C. of | D. by |
| 4. A. very | B. hard | C. much | D. greatly |
| 5. A. Turn | B. Draw | C. Attract | D. Pay |

6. A. how	B. where	C. what	D. when
-----------	----------	---------	---------

VI. Đọc đoạn văn sau và chọn đáp án đúng nhất bằng cách khoanh tròn A, B, C hoặc D tương ứng cho mỗi câu dưới đây (1,5 điểm).

Most younger children get a good night's sleep and wake up fresh and energised the next day. In contrast, teenagers' body clocks change, creating a 'forbidden zone' for sleep at around 9 or 10 pm. Later on, in middle age, the clock changes again, making it hard for parents to stay awake just when their teenage kids are at their most alert.

To make matters worse, recent research has shown that using an electronic device in the hour before going to bed greatly affects sleep patterns. According to studies, teenagers who used a computer or mobile phone before bedtime were much more likely to need more than an hour to fall asleep, and were also more likely to sleep several hours less each night. Teens who used other electronic devices such as an MP3 player, tablet, game console or TV also experienced some sleep deprivation. But how does this affect learning? In experiments carried out in North America, students were taught a series of skills and then slept for various lengths of time. The students who then had a good sleep improved further. The other students who got less than six hours' sleep either didn't improve or actually fell behind.

Other researchers are exploring the effect of light in setting sleep patterns, as darkness seems to trigger the release of melatonin, often called 'the sleep hormone', and light emitted from electronic devices tricks the brain into thinking it should be active rather than winding down. The solution here may involve the introduction of a 'digital sunset', where music, social media and all electronic devices are turned off a couple of hours before bed, similar to how the sun sets in the evening.

1. Which best serves as the title for the passage?

- A. How Sleep Affects Lifelong Learning?
- B. The Impacts of Electronic Gadgets on Children
- C. How to Stay Alert before Important Exams?
- D. Teenagers, Sleep and Learning

2. The word their in paragraph 1 refers to _____.

- A. younger children
- B. body clocks
- C. parents
- D. teenage kids

3. According to paragraph 2, using electronic devices before bedtime is said to _____.

- A. change teenagers' behaviours
- B. disrupt sleep patterns
- C. lead to tiredness and lack of energy
- D. result in serious illnesses

4. The phrase sleep deprivation in paragraph 2 is closest in meaning to _____.

- A. lack of sleep
- B. a deep sleep
- C. bad sleeping habits
- D. a good night's sleep

5. Which of the following is NOT true according to the passage?

- A. Younger children experience a shift in their body clocks during their teenage years.
- B. Teens who use electronic gadgets before bedtime often don't get enough sleep.
- C. Experiments in North America showed the importance of sleep after learning.
- D. The performance of all students in experiments in North America showed progress.

6. It can be inferred from the passage that _____.

- A. researchers are trying to understand the link between sleep and age
- B. light from electronic devices actually helps to release the sleep hormone
- C. reducing electronic device use before bedtime could promote better sleep
- D. a 'digital sunset' only brings benefits to teenagers reaching adulthood

VII. Khoanh tròn A, B, C hoặc D tương ứng với câu đúng nhất từ các từ/ cụm từ đã cho (1,0 điểm).

1. I / haven't / eat / kind of food / before

- A. I haven't eaten this kind of food before.
 B. I haven't ate this kind of food before.
 C. I haven't to eat this kind of food before..
 D. I haven't eating this kind of food before..

2. **despite / the rain / we / decide / to go / fishing**

- A. Despite the rain, we decided to go fishing.
 B. Despite of the rain, we decided to go fishing.
 C. In spite of the rain, we decided going fishing.
 D. Despite the rain, we deciding to go fishing.

3. **Ba / suggested that / Lan / put her money / the bank.**

- A. Ba suggested that Lan put her money in the bank.
 B. Ba suggested that Lan putting her money in the bank.
 C. Ba suggested that Lan should put her money in the bank.
 D. Ba suggested that Lan puts her money in the bank.

4. **if / I / have / enough money, / I / buy / a new smartphone.**

- A. If I had enough money, I buy a new smartphone.
 B. If I had enough money, I will buy a new smartphone.
 C. If I have enough money, I would buy a new smartphone.
 D. If I have enough money, I will buy a new smartphone.

VIII. Hoàn thành câu với từ gợi ý sao cho có nghĩa giống với câu đã cho (1,0 điểm).

1. He worked hard, but he was not successful in the contest.

-> **Although**

2. I don't have much time to stay with you longer.

-> **I wish**

3. The weather is bad, so we can't go camping.

-> **If the weather**

4. My Grandfather is old, he is slow.

-> **The older**

-The end

UBND HUYỆN CHI LĂNG TRƯỜNG TH&THCS GIA LỘC <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; margin-top: 10px;">HDC CHÍNH THỨC</div>	KỲ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2025-2026 Môn thi: Tiếng Anh Thời gian làm bài: 60 phút(không kể thời gian giao đề)
---	---

ĐÁP ÁN ĐỀ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2025-2026
MÔN TIẾNG ANH

Phần	Phần	Câu	Đáp án	Điểm	Phần	Câu	Đáp án	Điểm
VIII 1.0 điểm	I 1.0 điểm	1	C	0.25	V 1.5 điểm	1	C	0.25
		2	Although He worked hard, he was not successful in the contest.	0.25		2	C	0.25
		3	I wish I had much time to stay with you longer	0.25		3	A	0.25
		4	A	0.25		4	B	0.25
		5	If the weather is bad, we can't go camping.	0.25		5	D	0.25
	II 2.0 điểm	2	C	0.25	VI 1.5 điểm	6	C	0.25
		3	B	0.25		1	D	0.25
		4	THE END	0.25		2	C	0.25
		5	B	0.25		3	B	0.25
		6	D	0.25		4	A	0.25

ĐỀ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2025-2026
MÔN TIẾNG ANH
Thời gian làm bài: 60 phút

I. Khoanh tròn A, B, C hoặc D tương ứng với từ có phần gạch chân được phát âm khác với phần gạch chân của các từ còn lại (1,0 điểm).

1. A. spreads B. explores C. escapes D. opens
2. A. change B. scholar C. checkout D. speech
3. A. warm B. father C. card D. star
4. A. watched B. parked C. stopped D. wanted

II. Khoanh tròn A, B, C hoặc D tương ứng với đáp án đúng nhất để hoàn thành các câu dưới đây (2,0 điểm).

1. My mother _____ in that factory 10 years ago
 A. works B. was working C. worked D. has worked
2. If he _____ that you needed help, he would come immediately.
 A. had known B. knew C. knows D. has known
3. I came _____ an old friend on the street yesterday morning.
 A. over B. in C. down D. across
4. They took her to the International Hospital, _____ is only a mile away.
 A. in which B. that C. where D. which
5. We took a boat and reached the island _____ half an hour.
 A. at B. in C. for D. during
6. Life in the city is more and _____.
 A. more stressful B. more these C. Stress more D. Stressful more
7. _____ the high cost of living, many people still prefer to live in the city.
 A. Although B. Because C. Despite D. Even though
8. Nam: "It's very kind of you to help me." Hoa: "_____."
 A. Yes, certainly. B. Not really C. Not at all D. Thanks

III. Điền vào chỗ trống dạng đúng của từ cho sẵn ở cuối câu để hoàn thành các câu dưới đây (1,0 điểm).

1. The flowers were _____ arranged by my mother. **BEAUTY**
2. There are no tickets available for Mary's _____ this Saturday. **PERFORM**
3. Did you know that the sun is _____ to your skin and can cause cancer? **HARM**
4. Her _____ shone through when she received the good news. **HAPPY**

IV. Khoanh tròn A, B, C hoặc D tương ứng với từ hoặc cụm từ được gạch chân cần phải sửa để các câu sau trở nên chính xác (1,0 điểm).

1. Many teens hope travelling the world after they graduate high school.
 A. hope B. travelling C. the world D. graduate
2. What is the higher mountain in the world?
 A. What B. is C. higher D. in
3. Because he worked so hard, he overcome all the difficulties last year.
 A. Because B. hard C. overcome D. last

4. They asked me what did happen, but I was unable to tell them.

- A. asked B. what did happen C. unable D. tell them

V. Khoanh tròn đáp án đúng nhất trong đoạn văn dưới đây. (1,5 điểm)

Most people think that computers are very modern inventions because they are products of our new technological age. But actually, the idea for a computer (1)_____worked out over two centuries ago by a man (2)_____ Charles Babbage.

Babbage was born in 1791 and grew up to be a brilliant mathematician. He drew up plans for several calculating machines (3)_____ he called “engines”. But despite the fact that he started building some of these, he never finished any of them. Over the years people have argued whether his machines would ever work. Recently, however, the Science Museum in London has finished building an engine based on one of Babbage’s designs. (4)_____ has taken 6 years to complete and more than four thousand parts have been specially made. Whether it works (5) _____ not, the machine will be on show at a special exhibition in the Science Museum to (6)_____ people of Babbage’s work.

1. A. has B. was C. had D. is
 2. A. known B. recognized C. written D. called
 3. A. which B. who C. these D. whose
 4. A. One B. It C. They D. He
 5. A. or B. but C. and D. so
 6. A. look B. see C. remind D. watch

VI. Đọc đoạn văn sau và chọn đáp án đúng nhất. (1,5 điểm)

Most people would say they know what stress is, but for scientists who study stress, it has been surprisingly hard to define. This is because there are so many ways of looking at stress. Some researchers have studied how our bodies react to stress. You know how your heart beats faster, you perspire more heavily, and your words do not come out right when you are placed in a stressful situation. But knowing how we feel when experience stress does not explain it; nor does it tell us what causes it.

Other scientists have looked at stressors: events or situations that produce stress. A deadline, a poor test performance, or bother some noises all may be thought of as stressors. Even pleasant events can be stressors. Planning a party or starting a new job can be just as stressful as being called to the principal’s office. Stress, then, can be caused by both negative and positive events, or stressors. Of course, whether an event is thought of as positive or negative is, in some ways, a matter of personal choice.

In sum, it is the way people interpret an event that makes it stressful or not stressful. This process of interpretation is called appraisal. Depending on how people appraise, or judge, circumstances, they may or may not consider them stressful.

1. What is the passage mainly about?
 A. Stress and students B. Definition of stress
 C. Stress in family D. Advantages of stress
2. The word “it” in paragraph 1 refers to _____.
 A. experience B. stress C. body D. situation
3. Which of the following is NOT mentioned in paragraph 2 as stressors?
 A. Faster running B. A poor test performance
 C. Annoying noises D. A deadline
4. The word “pleasant” in paragraph 2 is closest in meaning to_.
 A. modern B. boring C. enjoyable D. careful
5. According to paragraph 3, which of the following can make an event stressful or not?
 A. The bad results of performances. B. The way people interpret it.
 C. The place where it happens. D. The attitudes of the others.
6. It can be inferred from the passage that:
 A. Stress is caused primarily by negative events.
 B. Stressful situations can affect people in similar ways regardless of their personality.
 C. The same event can be stressful for one person but not for another.
 D. Scientists have completely agreed on a definition of stress

VII. Khoanh tròn A, B, C hoặc D tương ứng với câu đúng nhất từ các từ/ cụm từ đã cho (1,0 điểm).

1. Lan / be / careful / Hoa.
 A. Hoa is more careful as Lan.
 B. Hoa is as careful as Lan.
 C. Hoa is the most careful than Lan.
 D. Hoa is as more careful as Lan
2. We / learn / English / 4 years.
 A. We have learnt English since 4 years.
 B. We have started to learn English for 4 years.
 C. We have begun learning English for 4 years.
 D. We have learnt English for 4 years.
3. I / use / go / fishing / I / a child.
 A. I used to go fishing when I was a child.
 B. I am used to go fishing when I was a child.
 C. I use to go fishing when I was a child.
 D. I used to going fishing when I was a child
4. if / I / have / enough money, / I / travel / around the world
 A. If I had enough money, I traveled around the world.
 B. If I had enough money, I will travel around the world.
 C. If I have enough money, I will travel around the world
 D. If I have enough money, I would travel around the world.

VIII. Hoàn thành câu với từ gợi ý sao cho có nghĩa giống với câu đã cho (1,0 điểm)

1. In spite of the bad weather, they had a wonderful holiday.
 => Although _____.
2. She last met her cousin three weeks ago.
 => She hasn't _____.
3. I think we should put garbage bins around the school yard.
 => I suggest _____.
4. I'm sorry I can't go to your birthday party tomorrow.
 => I wish _____.

_____ THE END _____

**ĐÁP ÁN ĐỀ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2025-2026
MÔN TIẾNG ANH**

Phần	Câu	Đáp án	Điểm	Phần	Câu	Đáp án	Điểm
I 1,0 điểm	1	A	0.25	V 1,5 điểm	1	B	0.25
	2	B	0.25		2	D	0.25
	3	A	0.25		3	A	0.25
	4	D	0.25		4	B	0.25
II 2,0 điểm	1	C	0.25	VI 1,5 điểm	5	A	0.25
	2	B	0.25		6	C	0.25
	3	D	0.25		1	B	0.25
	4	D	0.25		2	B	0.25
	5	B	0.25		3	A	0.25
	6	A	0.25		4	C	0.25

III 1.0 điểm	7	C	0.25	VII 1.0 điểm	5	B	0.25
	8	C	0.25		6	C	0.25
	1	BEAUTIFULLY	0.25		1	B	0.25
	2	PERFORMANCE	0.25		2	D	0.25
	3	HARMFUL	0.25		3	A	0.25
IV 1.0 điểm	4	HAPPINESS	0.25		4	B	0.25
	1	B	0.25				
	2	C	0.25				
	3	C	0.25				
	4	B	0.25				
Phần	Câu	Đáp án					Điểm
VIII 1.0 điểm	1	Although the weather was bad, they had a wonderful holiday					0.25
	2	She hasn’t met her cousin for threeweeks.					0.25
	3	I suggest putting garbage bins around the school yard.					0.25
	4	I wish I could go to your birthday party tomorrow.					0.25

_____ THE END _____

UBND HUYỆN CHI LĂNG TRƯỜNG TH&THCS XÃ THƯỢNG CƯỜNG ĐỀ ĐỀ XUẤT	ĐỀ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2025- 2026 Môn: TIẾNG ANH Thời gian: 60 phút (không kể thời gian giao đề) <i>Đề thi gồm 04 trang, 40 câu</i>
---	--

I. Khoanh tròn A, B, C hoặc D tương ứng với từ có phần gạch chân khác với phần gạch chân của các từ còn lại. (1,0 điểm)

1. A. proved <u>ed</u>	B. changed <u>ed</u>	C. pointed <u>ed</u>	D. played <u>ed</u>
2. A. arrive	B. f <u>it</u>	C. f <u>ine</u>	D. dri <u>ve</u>
3. A. throw <u>u</u>	B. pow <u>er</u>	C. tow <u>n</u>	D. someh <u>ow</u>
4. A. rememb <u>er</u> s	B. cook <u>s</u>	C. wall <u>s</u>	D. pyram <u>i</u> ds

II. Khoanh tròn A, B, C hoặc D tương ứng với đáp án đúng nhất để hoàn thành các câu dưới đây. (2,0 điểm)

- _____ he likes chocolate, he tries not to eat it.
A. Although B. As C. Since D. Despite
- If I don't have exams next week, I _____ camping with you.
A. will go B. will have gone C. would go D. would have gone
- It is not easy for me to distinguish _____ genuine painting and copies.
A. for B. to C. within D. between
- They suggest _____ the bus for it's raining heavily.
A. will catch B. caught C. to catch D. catching
- I wish you _____ here to see the beautiful sunset.

A. are B. had been C. were D. will be

6. This T-shirt is too small. Do you have a bigger _____ in stock?

A. level B. size C. shape D. color

7. She was a very popular singer _____ the 1990s.

A. for B. at C. on D. in

8. Tet is a time for Vietnamese families to clean and _____ their houses.

A. prepare B. hang C. enjoy D. decorate

III. Điền vào chỗ trống dạng đúng của từ cho sẵn trong ngoặc đơn để hoàn thành các câu dưới đây. (1,0 điểm)

1. They will make the beach a _____ place again. (BEAUTY)

2. After the procession, there is a folk music _____. (PERFORM)

3. If you want to _____ your English, we can help you. (IMPROVEMENT)

4. He laughed _____ when he was watching "Tom and Jerry" on TV. (HAPPY)

IV. Chọn A, B, C, D, E tương ứng với các thông tin còn thiếu ở các chỗ trống để hoàn thành đoạn hội thoại dưới đây. (1,5 điểm)

One of the most popular festivals celebrated by (1) _____ Asian people is the Moon Cake Festival, also widely known (2) _____ as the Mid-August Festival. This traditional event is particularly significant in countries like China and Vietnam. (3) _____ this occasion, families gather to eat large numbers of small, round moon cakes. These moon cakes, which are often filled with lotus seed paste, red bean, or salted egg yolk, are not only (4) _____ but also hold cultural and historical significance. Additionally, children enjoy (5) _____ colorful lanterns, which come in all shapes and sizes; the most popular ones are shaped like fish, rabbits, and butterflies. Some families even make lanterns at home as part of the celebration. According to the traditional belief, the moon shines the brightest and fullest on the night of the Moon Cake Festival. As the moon rises high in the sky, tables are placed outside the house, and women make (6) _____ of fruit, moon cakes, and sometimes tea to the Moon Goddess as a gesture of gratitude and reverence. It is said that this is also a time for people to reunite with their loved ones and reflect on the importance of family and harmony.

1. A. much B. many C. little D. a little

2. A. such B. such as C. as D. like

3. A. In B. at C. Of D. On

4. A. nutritious B. expensive C. delicious D.

5. A. carrying B. to carry C. having carried D. to have carried

6. A. donations B. offerings C. commitment D. use

V. Đọc đoạn văn và chọn câu trả lời phù hợp nhất cho mỗi câu sau (1,5 điểm)

Some doctors think that you should drink a glass of water each morning. You should drink this water first thing, before doing anything else. The temperature of the water should be similar to body temperature; neither too hot nor too cold.

Why should you drink this water? Water helps your body in many ways. It helps clean out your kidneys. **It** prepares your stomach for digestion. Water can also help your intestines work better. After drinking water, the intestines can more easily take out nutrients from our food. Water also helps us go to the bathroom more easily.

Scientists suggest that people take in 1,600 milliliters of water each day. But don't drink all of that water in one sitting. If you do, your kidneys will have to work much harder to **eliminate** it. It's better to drink some in the morning and some in the afternoon. Some people think it's better to drink

between meals and not during meals. They think water dilutes the juices produced in our stomachs. This can interfere with normal digestion.

Are you drinking enough water every day? Check the color of your urine. If it is light yellow, you are probably drinking enough. If your urine is very dark yellow, you probably need to drink more water. A little more water each day could make you much healthier.

- What is the main idea of the passage?
A. When to drink water. B. The best amount of water to drink.
C. The importance of water. D. The advice of the doctors.
- According to the passage, water is good for the following organs of the body EXCEPT _____.
A. kidneys B. livers C. intestines D. stomach
- The pronoun “It” in paragraph 2 refers to _____.
A. your stomach B. water C. your kidney D. your body
- The word “eliminate” in paragraph 3 is closest in meaning to _____.
A. remove B. absorb C. process D. preserve
- Which of the following is NOT true?
A. Drinking water while having meals may interfere with normal digestion.
B. The first thing you should do every morning is to drink water.
C. You need to drink more water if your urine is light yellow.
D. You shouldn’t drink too much water at the same time.
- It can be inferred from the passage that:*
A. *Drinking too much water at one time is harmful to your kidneys.*
B. *Drinking water during meals improves digestion.*
C. *The color of your urine has nothing to do with how much water you drink.*
D. *You should only drink water in the morning.*

VI. Khoanh tròn A, B, C hoặc D tương ứng với thành phần được gạch chân chưa đúng chuẩn ngữ pháp hoặc từ ngữ (1,0 điểm).

- My sister enjoys read about wild animals and natural mysteries.
A B C D
- The book who you lent me last week is really interesting and helpful.
A B C D
- Next week I will finish to read all the books on my summer reading list.
A B C D
- My sister has so many homework to do that she has no time to go out.
A B C D

VII. Chọn đáp án với câu hoàn chỉnh từ những từ gợi ý dưới đây. (1,0 điểm)

- Lan/ tell/ friends/ not/ make/ such/ noise/ class.
A. Lan told her friends not to make such noises in class.
B. Lan told her friends not to make such noisy in class.
C. Lan told her friends not to make such noise in class.
D. Lan told her friends not to make such noised in class.

2. They/ have / never/ watch/ that film/ before.
- A. They have never watch that film before.
- B. They have never watched that film before.
- C. They has never watched that film before.
- D. They have never been watched that film before.
3. Nha Trang / be / one / the / famous / place / tourism / Vietnam.
- A. Nha Trang is one of the most famous places of tourism in Vietnam.
- B. Nha Trang are one of the most famous places of tourism in Vietnam.
- C. Nha Trang is one of the most famous places at tourism in Vietnam.
- D. Nha Trang is one of the more famous places of tourism in Vietnam.
4. if / I / have / enough money, / I / travel / around the world
- A. If I had enough money, I traveled around the world.
- B. If I have enough money, I will travel around the world.
- C. If I had enough money, I will travel around the world.
- D. If I have enough money, I would travel around the world.

VIII. Hoàn thành câu với từ gợi ý sao cho có nghĩa giống với câu đã cho (1,0 điểm).

1. I'm sorry I can't go to your birthday party tomorrow.
I wish _____.
2. In spite of the bad weather, they had a wonderful holiday.
Although _____.
3. The teacher punished the boy.
The boy _____.
4. "My father will buy me a new bike," Mary said.
Mary said _____.

THE END

UBND HUYỆN CHI LĂNG
TRƯỜNG TH&THCS XÃ THUẬN
CƯỜNG

HDC ĐỀ ĐỀ XUẤT

KÌ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT
NĂM HỌC 2025-2026
Môn: TIẾNG ANH
HDC gồm 02 trang

Phần	Câu	Đáp án	Điểm	Phần	Câu	Đáp án	Điểm
------	-----	--------	------	------	-----	--------	------

I 1.0 điểm	1	C	0.25	V 1.5 điểm	1	C	0.25
	2	B	0.25		2	B	0.25
	3	A	0.25		3	B	0.25
	4	B	0.25		4	A	0.25
II 2.0 điểm	1	A	0.25	VI 1.5 điểm	5	C	0.25
	2	A	0.25		6	A	0.25
	3	D	0.25		1	B	0.25
	4	D	0.25		2	A	0.25
	5	C	0.25		3	B	0.25
	6	B	0.25		4	B	0.25
	7	D	0.25				
	8	D	0.25				
III 1.0 điểm	1	BEAUTIFUL	0.25	VII 1.0 điểm	1	C	0.25
	2	PERFORMANCE	0.25		2	B	0.25
	3	IMPROVE	0.25		3	A	0.25
	4	HAPPILY	0.25		4	B	0.25
IV 1.0 điểm	1	B	0.25				
	2	C	0.25				
	3	D	0.25				
	4	C	0.25				
	5	A	0.25				
	6	B	0.25				

Phần	Câu	Đáp án	Điểm
VIII 1.0 điểm	1	I wish I could go to your birthday party tomorrow.	0.25
	2	Although the weather was bad, they had a wonderful holiday.	0.25
	3	The boy was punished by the teacher.	0.25
	4	Mary said (that) her father would buy her a new bike.	0.25

THE END

UBND HUYỆN CHI LĂNG TRƯỜNG TH & THCS XÃ BẮC THỦY ĐỀ THAM KHẢO	KỲ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2025 – 2026 Môn thi: Tiếng Anh Thời gian làm bài: 60 phút (không kể thời gian giao đề)
---	---

Họ và tên thí sinh:

I. Khoanh tròn A, B, C hoặc D tương ứng với từ có phần gạch chân được phát âm khác với phần gạch chân của các từ còn lại. (1,0 điểm)

- | | | | |
|------------------------|--------------------|---------------------|------------------|
| 1. A. <u>watches</u> . | B. <u>likes</u> . | C. <u>teaches</u> . | D. <u>misses</u> |
| 2. A. <u>wanted</u> . | B. <u>needed</u> . | C. <u>played</u> . | D. <u>paint</u> |
| 3. A. <u>cat</u> . | B. <u>cap</u> . | C. <u>cake</u> . | D. <u>map</u> |
| 4. A. <u>hour</u> . | B. <u>house</u> . | C. <u>hurry</u> . | D. <u>happy</u> |

II. Khoanh tròn vào đáp án đúng nhất để hoàn thành các câu dưới đây. (2,0 điểm)

- At the moment, she ____ a book in her room.
A. reads. B. read. C. is reading. D. has read
- She is very ____; she always says "thank you" and "please."
A. rude. B. selfish C. lazy. D. polite.
- A person who takes care of patients in a hospital is a ____.
A. nurse. B. teacher. C. engineer. D. artist
- He ____ an interesting story to tell us yesterday.
A. took up. B. made up. C. gave up. D. put up
- She didn't go to school ____ she was sick.
A. but. B. because. C. although. D. so
- If she ____ hard, she will pass the exam.
A. study. B. studies. C. studied. D. studying
- My father bought me ____ bicycle last week.
A. a. B. an. C. the. D. Ø
- I wish I ____ a millionaire so I could travel around the world.
A. am. B. was. C. were. D. be

III. Cho dạng đúng của từ cho sẵn ở cuối câu để hoàn thành các câu. (1,0 điểm)

- He is a very _____ girl. She always helps people in need. (HELP)
- The Internet is one of the most important _____ of modern life. (INVENT)
- He drove so _____ that he caused a serious accident. (DANGER)
- We should spend our free time _____ instead of just watching TV. (USE)

IV. Tìm lỗi sai trong các câu có phần gạch chân. (1,0 điểm)

- She play the piano very well.
A B C D
- He has worked in this company since 5 years.
A B C D
- They have visited the museum yesterday.
A B C D
- Tom and his friends is going to the beach next weekend.
A B C D

V. Khoanh tròn đáp án đúng nhất trong đoạn văn dưới đây. (1,5 điểm)

Nowadays, more and more people are concerned about environmental problems. One of the biggest issues is plastic waste, which (1) _____ the environment seriously. Every year, millions of tons of plastic are thrown away, and much of it ends up in the oceans, (2) _____ marine life.

One way to reduce plastic waste is to use reusable bags, bottles, and containers instead of (3) _____ ones. In addition, people should try to recycle as much plastic as possible. Governments can also help by (4) _____ laws to limit the use of plastic bags and encourage businesses to use eco-friendly materials.

If everyone (5) _____ small changes in their daily lives, we can protect our planet for future generations. Protecting the environment is not just the responsibility of the government but (6) _____ of every individual.

- | | | | |
|----------------|-------------|----------------|-------------|
| 1. A. damages. | B. damage. | C. damaging. | D. damaged |
| 2. A. harms. | B. harm. | C. harming. | D. harmed |
| 3. A. using. | B. used. | C. disposable. | D. recycled |
| 4. A. passes. | B. passing. | C. pass. | D. passed |
| 5. A. making. | B. makes. | C. make. | D. made |
| 6. A. neither. | B. also. | C. too. | D. both |

VI. Đọc đoạn văn sau và chọn đáp án đúng nhất. (1,5 điểm)

The Benefits of Reading Books

Reading books is one of the most beneficial activities a person can engage in. Books provide knowledge, enhance vocabulary, and improve cognitive skills. People who read regularly tend to have a better understanding of the world around them. Additionally, reading helps reduce stress and improve concentration.

Many studies show that reading fiction can enhance empathy because it allows readers to experience different perspectives. Moreover, reading before bed is a great way to relax and improve sleep quality. Experts recommend setting aside at least 30 minutes a day for reading to enjoy its full benefits.

1. According to the passage, what is one benefit of reading books?

- A. It helps people earn more money. B. It improves cognitive skills.
C. It makes people taller. D. It increases physical strength.

2. What does reading fiction help improve?

- A. Physical health. B. Empathy.
C. Singing skills. D. Sports performance

3. How long do experts recommend reading each day?

- A. 10 minutes. B. 20 minutes. C. 30 minutes. D. 1 hour

4. The word "enhance" in the passage is closest in meaning to:

- A. Improve. B. Destroy. C. Reduce. D. Ignore

5. What is the main idea of the passage?

- A. Watching TV is better than reading. B. Reading books has many benefits.
C. Reading books is a waste of time. D. People should read only fiction.

6. Why do experts recommend reading before bed?

- A. It helps people sleep better. B. It makes people feel hungry.
C. It helps people wake up earlier. D. It improves physical fitness

VII. Chọn đáp án đúng cho các câu sau. (1,0 điểm)

1. you / help / me / this exercise / please?

- A. Do you helping me with this exercise, please?
B. Could you help me with this exercise, please?
C. You help me with this exercise, please?
D. Can you helps me with this exercise, please?

2. he / not / go / school / because / he / sick.

- A. He doesn't go to school because he is sick.
B. He didn't went to school because he was sick.
C. He not go to school because he is sick.
D. He isn't went to school because he was sick.

3. If / it / rain / tomorrow, / we / stay / home.

- A. If it will rain tomorrow, we stay home.
B. If it rain tomorrow, we stay at home.
C. If it rains tomorrow, we will stay at home.
D. If it rained tomorrow, we would stay at home.

4. I / wish / I / can / speak / English / fluently.

- A. I wish I can speak English fluently.
B. I wish I could speak English fluently.
C. I wish I speak English fluently.
D. I wish I speaking English fluently

VIII. Hoàn thành câu với từ gợi ý sao cho có nghĩa giống với câu đã cho (1,0 điểm).

1. She started learning English five years ago.

She has _____

2. "Where are you going?" she asked me.

She asked me _____

3. The book is very interesting. I bought it yesterday.

The book which _____

4. "Let's go to the beach this weekend," he said.

He suggested _____.

_____THE END_____

UBND HUYỆN CHI LĂNG TRƯỜNG TH & THCS XÃ BẮC THỦY		KỲ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2025 – 2026 <u>Môn thi: Tiếng Anh</u>		
HƯỚNG DẪN CHẤM				
Phần	Câu	Đáp án	Điểm	
I 1.0 điểm	1	B	0.25	
	2	C	0.25	
	3	C	0.25	
	4	A	0.25	
II 2,0 điểm	1	C	0.25	
	2	D	0.25	
	3	A	0.25	
	4	B	0.25	
	5	B	0.25	
	6	B	0.25	
	7	A	0.25	
	8	C	0.25	
III 1.0 điểm	1	HELPFUL	0.25	
	2	INVENTIONS	0.25	
	3	DANGEROUSLY	0.25	
	4	USEFULLY	0.25	
IV 1.0 điểm	1	A	0.25	
	2	D	0.25	
	3	B	0.25	
	4	B	0.25	
V 1.5 điểm	1	A	0.25	
	2	A	0.25	
	3	C	0.25	
	4	A	0.25	
	5	C	0.25	
	6	D	0.25	
VI 1.5 điểm	1	B	0.25	
	2	B	0.25	
	3	C	0.25	
	4	A	0.25	
	5	B	0.25	

VII 1.0 điểm	6	A	0.25
	1	B	0.25
	2	A	0.25
	3	C	0.25
	4	B	0.25
VIII 1.0 điểm	1	She has learned English for five years.	0.25
	2	She asked me where I was going.	0.25
	3	The book which I bought yesterday is very interesting	0.25
	4	He suggested going to the beach this weekend.	0.25

Lưu ý: - Điểm toàn bài làm tròn đến số thập phân thứ nhất. (VD: 8,25 ghi 8,3)
- Thí sinh có đáp án khác mà đúng vẫn được điểm.

UBND HUYỆN CHI LĂNG TRƯỜNG PTDTBT THCS XÃ HỮU KIÊN	KỶ THI TUYỂN SINH VÀO 10 THPT NĂM HỌC 2025-2026 Môn: Tiếng Anh (Thời gian làm bài 60 phút)
	ĐỀ ĐỀ XUẤT

I. Khoanh tròn A, B, C hoặc D tương ứng với từ có phần gạch chân được phát âm khác với phần gạch chân của các từ còn lại. (1,0 điểm)

1. A. invited	B. needed	C. ended	D. liked
2. A. deny	B. study	C. typical	D. pretty
3. A. space	B. pace	C. attack	D. famous
4. A. books	B. plays	C. months	D. hats

II. Khoanh tròn A, B, C, D tương ứng với đáp án đúng nhất để hoàn thành câu. (2,0 điểm)

- There is a market in our area where you can buy all the kinds of handmade products. It may be the _____ handicraft market in our country
A. big B. biggest C. bigger D. the biggest
- I used to live in the _____ area, but I moved to a quite suburb two years ago
A. downtown B. underground C. outskirts D. village
- If you want to get there on time, you should _____ a taxi _____.
A. takes B. to take C. take D. taken
- My father always avoids _____ stories about his past .
A. tell B. to tell C. tells D. telling
- I worked hard, _____ I passed the exam.
A. so B. however C. unless D. but
- I wish I _____ the history teacher' question about Ho Dynasty Citadel.
A. can answer B. could answer C. answer D. answers
- Look at the _____. We will visit Bali in the morning .
A. map B. itinerary C. app D. brochure
- Local communities should be actively involved _____ the planning and development of tourism in their areas.
A. with B. at C. on D. in

III. Điền vào chỗ trống dạng đúng của từ cho sẵn trong ngoặc đơn để hoàn thành câu (1,0 điểm).

- The air in the city is very _____ (POLLUTION).
- The artist _____ blended different colors to create a stunning landscape painting. (SKILLFUL)
- The government is trying to _____ more foreign investment in the country. (COURAGE)
- Do you mind _____ this box for me? (CARRY)

IV. Khoanh tròn A, B, C, D tương ứng với đáp án đúng nhất cho mỗi chỗ trống (1,5 điểm).

Ha Long Bay, **which** is located in Quang Ninh Province, Vietnam, is a breathtaking natural (1) _____. It **consists of** thousands of limestone karsts and isles, **rising** majestically from the emerald waters of the Gulf of Tonkin. The bay is not only famous for its stunning scenery **but also** for its rich biodiversity. Many tourists (2) _____ visit Ha Long Bay are (3) _____ by the spectacular caves and grottoes, **such as** Sung Sot Cave and Thien Cung Cave. These caves are adorned with (4) _____ stalactites and stalagmites, **creating** a magical atmosphere.

In addition to its natural beauty, Ha Long Bay also offers a wide range (5) _____ activities for visitors. You can **take** a cruise to explore the bay, **go** kayaking through the hidden lagoons, or **relax** on one of the pristine beaches. The local people are very friendly and hospitable, **making** your trip even more enjoyable. Ha Long Bay is truly a must-visit (6) _____ for any traveler **who** wants to experience the beauty of Vietnam.

1. A. beauty	B. wonder	C. landscape	D. resource
2. A. which	B. whom	C. who	D. whose
3. A. amazed	B. to amazed	C. amazes	D. amazing
4. A. the beauty	B. beauty	C. beautifully	D. beautiful
5. A. of	B. at	C. in	D. on
6. A. journey	B. destination	C. historical site	D. monument

V. Đọc đoạn văn và chọn đáp án đúng nhất bằng cách khoanh tròn A, B, C hoặc D tương ứng cho mỗi câu dưới đây. (1,5 điểm)

Choosing a career path is one of the most important decisions young people make in their lives. It can be both exciting and daunting, as there are countless options available. To make an informed decision, it's crucial to consider various factors, including personal interests, skills, values, and job market trends. One effective way to explore career options is to do thorough research. This involves gathering information about different occupations, including their required education, job duties, salary expectations, and future prospects. Online resources, career counseling services, and informational interviews with professionals in specific fields can be valuable tools in this process.

Another important aspect of career planning is self-assessment. Understanding your strengths, weaknesses, interests, and values can help you identify careers that align with your personality and aspirations. Various self-assessment tools, such as aptitude tests and interest inventories, can provide insights into your potential career paths.

Furthermore, gaining practical experience through internships, volunteering, or part-time jobs can be beneficial in making career decisions. These experiences offer firsthand exposure to different work environments and can help you determine whether a particular career is a good fit for you.

Ultimately, choosing a career path is a personal journey that requires careful consideration and self-reflection. By exploring various options, understanding your own strengths and interests, and gaining practical experience, you can make an informed decision that leads to a fulfilling and successful career.

- According to the reading, what is the most important thing when choosing a career?
 - Finding a high-paying job
 - Following someone else's passion
 - Considering various factors
 - Choosing a trendy profession
- The word "daunting" in the passage is closest in meaning to which word?
 - challenging
 - exciting
 - easy
 - simple
- According to the reading, what is an effective way to explore career options?
 - Relying only on family advice
 - Conducting thorough research
 - Choosing a career randomly
 - Not paying attention to market trends
- What factors does the reading mention that need to be considered when choosing a career?
 - Only personal interests
 - Both interests, skills, values, and market trends
 - Only skills
 - Not paying attention to any factors
- What is the main purpose of the reading?
 - Advising people to follow their passion
 - Advertising career counseling services

- C. Providing an overview of career choice
 D. Telling people not to worry too much about choosing a career
6. What does the author imply when saying "choosing a career is a personal journey"?
 A. No one can help you choose a career
 B. Choosing a career is not important
 C. You should choose a career based on the opinions of the majority
 D. Each person has their own career path

VI. Tìm đáp án sai A,B,C hay D trong các câu sau. (1,0 điểm)

1. We've decided leaning how ethnic minority people use natural material to dye cloth
 A B C D
2. She doesn't know how deal with that problem
 A B C D
3. If you want to have perfect white teeth, you must to brush your teeth regularly
 A B C D
4. Nga hasn't met her parents for she left school
 A B C D

VII. Chọn đáp án đúng A,B,C hay D tương ứng tương ứng với câu đã cho. (1,0 điểm)

1. I wish I could speak English fluently."
 A. I hope I can speak English fluently.
 B. I want to speak English fluently.
 C. If only I could speak English fluently.
 D. I will be able to speak English fluently soon.
2. Shall we go to the beach this weekend?
 A. I propose we go to the beach this weekend.
 B. I'd like to go to the beach this weekend.
 C. How about going to the beach this weekend?
 D. We should go to the beach this weekend.
3. This movie is more interesting than the one we saw last week.
 A. The movie we saw last week was less interesting than this one.
 B. This movie is as interesting as the one we saw last week.
 C. This movie is not as interesting as the one we saw last week.
 D. We enjoyed this movie less than the one we saw last week.
4. She is studying very hard for the upcoming exam.
 A. She will study hard for the upcoming exam.
 B. She studied hard for the upcoming exam.
 C. She has studied hard for the upcoming exam.
 D. She is in the middle of studying hard for the upcoming exam.

VIII. Viết lại câu có nghĩa tương đương với câu đã cho. (1,0 điểm)

1. The car broke down. It was on the way to the airport.
 →The car.....
2. No one in the class is as tall as Peter.
 →Peter.....
3. Although he is intelligent, he doesn't study well at school.
 →Despite
4. When I was young, I regularly travelled around the country.
 →I used

.....The end.....

UBND HUYỆN CHI LĂNG TRƯỜNG PTDTBT THCS XÃ HỮU KIÊN	KỲ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2025-2026 Môn Tiếng Anh
HƯỚNG DẪN CHẤM	

Phần	Câu	Đáp án	Điểm
I 1 điểm	1	D	0,25
	2	A	0,25
	3	C	0,25
	4	B	0,25
II 2 điểm	1	B	0,25
	2	A	0,25
	3	C	0,25
	4	D	0,25
	5	A	0,25
	6	B	0,25
	7	B	0,25
	8	D	0,25
III 1 điểm	1	pollute	0,25
	2	skillfully	0,25
	3	encourage	0,25
	4	carrying	0,25

Phần	Câu	Đáp án	Điểm
IV 1,5 điểm	1	B	0,25
	2	C	0,25
	3	A	0,25
	4	D	0,25
	5	A	0,25
	6	B	0,25
V 1,5 điểm	1	C	0,25
	2	A	0,25
	3	B	0,25
	4	B	0,25
	5	C	0,25
	6	D	0,25
VI 1 điểm	1	B	0,25
	2	B	0,25
	3	C	0,25
	4	C	0,25
VII 1 điểm	1	C	0,25
	2	C	0,25
	3	A	0,25
	4	D	0,25

Phần	Câu	Đáp án	Điểm
VIII 1 điểm	1	The car broke down on the way to the airport.	0,25
	2	Peter is the tallest student in the class. (Or: Peter is taller than everyone else in the class.)	0,25
	3	Despite his intelligence, he doesn't study well at school. (Or: In spite of his intelligence, he doesn't study well at school.)	0,25
	4	I used to travel around the country when I was young.	0,25

Tổng điểm: 10,00

Lưu ý:

- Điểm toàn bài làm tròn đến 0,25.

- Thí sinh có đáp án khác mà đúng vẫn được điểm.

UBND HUYỆN CHI LĂNG TRƯỜNG THCS XÃ CHIẾN THẮNG	KỲ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT NĂM HỌC: 2025 - 2026 Môn: TIẾNG ANH Thời gian làm bài: 60 phút
ĐỀ THAM KHẢO	

I. Khoanh tròn A, B, C hoặc D tương ứng với từ có phần gạch chân được phát âm khác với phần gạch chân của các từ còn lại. (1,0 điểm)

1. A. remove B. receive C. reply D. reptile
2. A. soon B. mood C. blood D. moon
3. A. played B. watched C. worked D. stopped
4. A. contacts B. responds C. attacks D. develops

II. Khoanh tròn A, B, C hoặc D tương ứng với đáp án đúng nhất để hoàn thành các câu dưới đây. (2,0 điểm)

1. My brother always _____ his teeth twice a day.
A. brushes B. is brushing C. will brush D. brushed
2. Don't make so much noise. I _____.
A. study B. am studying C. studies D. will study
3. The examination will be held _____ June 2007.
A. in B. on C. at D. to
4. Please turn _____ the lights. It's too dark here.
A. at B. off C. on D. in
5. The bed _____ I slept in was very soft.
A. whom B. where C. who D. which
6. She spoke quietly to him _____ nobody else could hear a word.
A. so that B. if C. although D. because
7. If we _____ to pollute the water, we will have no fresh water to use.
A. continuing B. continue C. continued D. to continue
8. The program was so _____ that half of them fell asleep.
A. bored B. bore C. boring D. boredom

III. Điền vào chỗ trống dạng đúng của từ cho sẵn ở cuối câu để hoàn thành các câu dưới đây. (1,0 điểm)

1. This football match is dull and _____ (interest).
2. We should have our water pipes checked _____ (regular).
3. Many people are very concerned about the _____ (destroy) of the rainforests.
4. Taking part in English Speaking festivals will help you to _____ (improvement) your English.

IV. Khoanh tròn đáp án A, B, C hoặc D tương ứng với đáp án đúng nhất cho mỗi chỗ trống trong đoạn văn dưới đây. (1,5 điểm)

Mr. Brown and some voluntary conservationists are on a very dirty beach now. Today they are ready to make the beach a clean and (1) _____ place again. After listening to Mr. Brown's instructions, they are divided (2) _____ three groups. Group 1 needs to walk along the shore. Group 2 should check the sand, group 3 (3) _____ to check among the rocks. Garbage must be put into plastic bags, and the bags will be (4) _____ by Mr. Jones. He will take the bags to the garbage dump. Each member will be (5) _____ a map to find the right place. They won't eat the picnic lunch until the whole area is clean. They all are (6) _____ to work hard so as to refresh this spoiled area.

1. A. beauty B. beautify C. beautiful D. beautifully
2. A. in B. to C. into D. onto
3. A. has B. had C. is having D. have had
4. A. selected B. collected C. chosen D. elected

5. A. taken B. given C. had D. brought
6. A. bored B. difficult C. satisfied D. willing

V. Đọc đoạn văn sau và chọn đáp án đúng nhất bằng cách khoanh tròn A, B, C, hoặc D tương ứng cho mỗi câu dưới đây. (1,5 điểm)

The invention of the phonograph happened quite **by accident**. Thomas Edison moved to Menlo Park, New Jersey in 1876, where he established an industrial research laboratory. There, Edison was working on a carbon telephone transmitter to improve the existing Bell telephone system.

In that laboratory a year later, Edison invented the phonograph while he was trying to improve a telegraph repeater. He attached a telephone diaphragm to the needle in the telegraph repeater; in this way, he was able to reproduce a recording that could be played back. After he made some improvements to the machine, he tested it. He recited "Mary Had a Little Lamb" into the machine and played his voice back to a very surprised audience.

- What is the best title for the passage?
A. Thomas Edison's many inventions B. Improvements in telephone and telegraph
C. The history of Menlo Park D. An accidental invention
- The phrase "**by accident**" is closest in meaning to which of the following?
A. accidentally B. purposefully C. intentionally D. deliberately
- In what year did the invention of phonograph occur?
A. 1876 B. 1877 C. 1878 D. the article does not say
- What was Edison working on when he created the phonograph?
A. A telegraph repeater B. A telegraph diaphragm
C. A telephone repeater D. A telephone diaphragm
- According to the passage, how did Edison test his new invention?
A. He made improvements to the machine. B. He used a carbon transmitter.
C. He read a children's rhyme. D. He produced the audience voice.
- What component did Edison attach to the needle in the telegraph repeater to enable the playback of recorded sound?**
A. a telephone diaphragm B. a carbon transmitter
C. a telegraph amplifier D. a recording microphone

VI. Khoanh tròn A, B, C hoặc D tương ứng với phần gạch chân chứa lỗi sai trong mỗi câu dưới đây. (1,0 điểm)

- Islam is the country's official currency in Malaysia.
A B C D
- Ho Chi Minh City will arrive temperatures between 25°C and 30°C tomorrow.
A B C D
- Lan tell her friends not to make such noise in class.
A B C D
- They are not enough young to take part in this game.
A B C D

VII. Khoanh tròn A,B,C hoặc D tương ứng với câu phù hợp nhất từ những từ/cụm từ gợi ý cho sẵn. (1,0 điểm)

- Lan/ tell/ friends/ not/ make/ such/ noise/ class.
A. Lan told her friends not to make such noise in class.
B. Lan told her friends **not make** such noise in class.
C. Lan **tell** her friends not to make such noise in class.
D. Lan told **friends her** not to make such noise in class.
- Winter/ heating/ account for/ 50 percent/ electricity bill.
A. In winter, heating **account for** 50 percent of the electricity bill.
B. Winter, heating **accounts for** 50 percent of electricity bill.

- C. In winter, heating **accounts 50 percent** of the electricity bill.
 D. In winter, heating **accounts for** 50 percent of the electricity bill.
3. My uncle's family/ live/ farm/ for ages.
 A. My uncle's family **has lived in** a farm for ages.
 B. My uncle's family **has live** on a farm for ages.
 C. My uncle's family **has lived on** a farm for ages.
 D. My uncle's family **live on** a farm for ages.
4. She/ be/ give/ a set / English books/ fifteenth birthday/ last week.
 A. She **gave** a set of English books for her fifteenth birthday last week.
 B. She was given **a set English books** for her fifteenth birthday last week.
 C. She **was gave** a set of English books for her fifteenth birthday last week.
 D. She **was given** a set of English books for her fifteenth birthday last week.

VIII. Hoàn thành câu với từ gợi ý sao cho câu đó có nghĩa không thay đổi với nghĩa của câu đã cho. (1,0 điểm)

1. "When did you begin studying English?" the interviewer asked me.
 The interviewer asked _____.
2. He doesn't come to my party because he is on business.
 If _____.
3. The teacher punished the boy.
 The boy _____.
4. He needs fifteen minutes to get to school
 It takes _____.

HẾT

UBND HUYỆN CHI LĂNG TRƯỜNG THCS XÃ CHIẾN THẮNG				KÌ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT NĂM HỌC: 2025 - 2026 Môn: TIẾNG ANH HƯỚNG DẪN CHẤM			
ĐỀ THAM KHẢO							
Phần	Câu	Đáp án	Điểm	Phần	Câu	Đáp án	Điểm
I 1 điểm	1	D	0,25	II 2 điểm	1	A	0,25
	2	C	0,25		2	B	0,25
	3	A	0,25		3	A	0,25
	4	B	0,25		4	C	0,25
III 1 điểm	1	UNINTERESTING	0,25	IV 1,5 điểm	5	D	0,25
	2	REGULARLY	0,25		6	A	0,25
	3	DESTRUCTION	0,25		7	B	0,25
	4	IMPROVE	0,25		8	C	0,25
V 1,5 điểm	1	D	0,25	VI 1 điểm	1	C	0,25
	2	A	0,25		2	C	0,25
	3	B	0,25		3	A	0,25
	4	A	0,25		4	B	0,25
VII 1 điểm	5	C	0,25		5	B	0,25
	6	A	0,25		6	D	0,25
	1	A	0,25		1	D	0,25
	2	B	0,25		2	B	0,25
	3	C	0,25		3	A	0,25
	4	D	0,25		4	B	0,25

Phần	Câu	Đáp án	Điểm
VIII 1 điểm	1	The interviewer asked me when I began studying English.	0,25
	2	If he weren't on business, he would come to my party.	0,25
	3	The boy was punished by the teacher.	0,25
	4	It takes him 15 minutes to get to school.	0,25

Tổng điểm: 10,00

Lưu ý:

- Điểm toàn bài làm tròn đến 0,25.
- Thí sinh có đáp án khác mà đúng vẫn được điểm.

TRƯỜNG THCS TT CHI LĂNG

KỲ THI TUYỂN SINH LỚP 10 THPT

NĂM HỌC 2025-2026

Môn thi: Tiếng Anh (Đề

thi gồm 4 trang, 8 phần) Thời

gian làm bài: 60 phút

ĐỀ THAM KHẢO

I. Khoanh tròn A, B, C hoặc D tương ứng với từ có phần gạch chân được phát âm khác với phần gạch chân của các từ còn lại. (1,0 điểm)

1. A. pl <u>a</u> ne	B. st <u>a</u> te	C. pl <u>a</u> n	D. l <u>a</u> ke
2. A. str <u>e</u> am	B. le <u>a</u> ther	C. cr <u>e</u> am	D. dr <u>e</u> am
3. A. work <u>e</u> d	B. ask <u>e</u> d	C. stop <u>p</u> ed	D. want <u>e</u> d
4. A. walk <u>s</u>	B. cup <u>s</u>	C. pen <u>s</u>	D. studen <u>t</u> s

II. Khoanh tròn A, B, C hoặc D tương ứng với đáp án đúng nhất để hoàn thành các câu dưới đây. (2,0 điểm)

- The ancient church _____ about 100 years ago.
A. is built B. was built C. will be built D. has been built
- People in Israel are going to celebrate their festival _____ is called Passover.
A. whose B. who C. which D. where
- I can't understand the French visitors. I wish I _____ French.
A. knew B. will know C. know D. have known
- Lan is very tired. _____, she has to finish her assignment before going to bed.
A. Although B. So C. Therefore D. However
- I suggest _____ some money for poor children.
A. raise B. to raise C. raising D. raised
- She asked me if I _____ a laptop computer the following day.
A. buy B. would buy C. bought D. will buy
- The Pikes put _____ their trip because of bad weather.
A. off B. up C. out D. away
- Nga:** "You look nervous! _____" – **Hoa:** "This thunder scares me to death."
A. How are you? B. Why's that? C. Come on! D. What's wrong?

III. Điền vào chỗ trống dạng đúng của từ cho sẵn ở cuối câu để hoàn thành các câu dưới đây. (1,0 điểm)

- My teacher usually _____ me to learn harder. (COURAGE)
- The internet has _____ developed nowadays. (INCREASE)
- Today _____ can predict when a tidal wave will hit land. (SCIENCE)

4. This chair is _____. It is so high for children. (CONVENIENCE)

IV. Khoanh tròn A, B, C hoặc D tương ứng với đáp án đúng nhất cho mỗi chỗ trống trong đoạn văn dưới đây. (1,5 điểm)

Today, computer companies sell many different programs for computers. First, there are programs for doing math problems. (1)_____, there are programs for scientific studies. Third, some programs are like fancy typewriters. They are often used by writers and business people. Other (2)_____ are made for courses in schools and universities. And finally, there are programs for fun. They include word games and puzzles for children and adults. There are many wonderful new computer programs, but there are other reasons to like (3)_____. Some people like the way computers hum and sing when they (4)_____. It is a happy sound, like the sounds of toy and childhood. Computers also have lights and pretty pictures. And computers even seem to have personalities. That may sound strange, (5)_____ computers seem to have feelings. Sometimes they seem happy, sometimes they seem angry. It is easy (6)_____ they are like people.

- | | | | |
|-----------------|----------------|-----------------|-----------------|
| 1. A. Two | B. Second | C. Twice | D. Double |
| 2. A. programs | B. people | C. students | D. typewriters |
| 3. A. programs | B. reasons | C. games | D. computers |
| 4. A. work | B. have worked | C. are working | D. worked |
| 5. A. therefore | B. but | C. however | D. and |
| 6. A. to think | B. thinking | C. for thinking | D. that thought |

V. Đọc đoạn văn sau và chọn đáp án đúng nhất bằng cách khoanh tròn A, B, C hoặc D tương ứng cho mỗi câu dưới đây. (1,5 điểm)

Education is not an end, but a mean is to an end. In other words, we do not educate children only for the purpose of educating them. Our purpose is to fit **them** for life. In some modern countries it has, for some time, been fashionable to think that by free education for all - whether rich or poor, clever or stupid - one can solve all the problems of society and build a perfect nation. But we can already see that free education for all is not enough; we find in such countries a large number of people with university degree; they refuse to do what they think "low" work; and, in fact, work with hands is thought to be dirty and shameful in such countries. But we have only to think a moment to understand that the work of a completely uneducated farmer is far more important than that of a professor; we can live without education, but we die if we have no food. If no one cleaned our streets and took the rubbish away from our house, we should get terrible diseases in our own towns.

In fact, when we say that all of us must be educated to fit us for life, it means that we must be educated in such a way that, firstly, each of us can do whatever work suited to our brains and ability and, secondly, that we can realize that all jobs are necessary to society, and that is very bad to be ashamed of one's work. Only such a type of education can be considered valuable to society.

1. The writer of the passage thinks that _____.

- A. education can settle most of the world's problems
 B. free education for all probably leads to a perfect world
 C. all the social problems can't be solved by education
 D. free education won't help to solve social problems

2. The word "**them**" in the second line refer to _____.

- A. education B. countries C. children D. problems

3. The writer wants to prove that _____.

- A. our society needs all kinds of jobs
 B. our society needs free education for all
 C. a farmer is more important than a professor

D. people with high education refuse to do what they think “low” work

4. According to the passage _____.

A. work with hands is low work

B. we can't regard work with hands as low work

C. work with hands is dirty and shameful

D. work with hands is the most important

5. The purpose of education is _____.

A. to choose a system of education

B. to build a perfect world

C. to let everyone receive education fit for him

D. to prepare children mainly for their future work

6. The passage tells us about _____ of education.

A. the type

B. the means

C. the value

D. the system

VI. Khoanh tròn A, B, C hoặc D tương ứng với phần gạch chân chứa lỗi sai trong mỗi câu dưới đây. (1,0 điểm)

1. Many teens don't consume enough important nutrients essential for her health.

A

B

C

D

2. I decided to making time for exercising and preparing nutritious meals.

A

B

C

D

3. You could joins a football team if you want to get fit.

A

B

C

D

4. Students don't have enough sleep because of stay up late for homework.

A

B

C

D

VII. Khoanh tròn A, B, C hoặc D tương ứng với câu phù hợp nhất từ những từ/cụm từ gợi ý cho sẵn. (1,0 điểm)

1. *This/ meaningful/ experience/ we/ have.*

A. This is the most meaningful experience that we have ever had.

B. This is the most meaningful experience that we have never had.

C. This is the more meaningful experience than we have ever had.

D. This is the more meaningful experience that we have ever had.

2. *They/not/allow/go out/evening/parents.*

A. They are not allowed to go out in the evening by their parents.

B. They are not allowed to go out by their parents in the evening.

C. They do not allow to go out by their parents in the evening.

D. They do not allow to go out in the evening by their parents.

3. *Nowadays/ students/ tend/ be/ more/ responsible/ studies.*

A. Nowadays, students tend to be more responsible for their studies.

B. Nowadays, students tended to be more responsible for our studies.

C. Nowadays, students tending to be more responsible for their studies.

D. Nowadays, students tends to being more responsible for their studies.

4. *The woman/ live/ next door/donate/ thousands of dollars/ local charities/ every year.*

A. The woman who lives next door donating thousands of dollars to local charities every year.

B. The woman lives next door donates thousands of dollars to local charities every year.

C. The woman who lives next door donates thousands of dollars to local charities every year.

D. The woman which lives next door donates thousands of dollars to local charities every year.

VIII. Hoàn thành câu với từ gợi ý sao cho câu đó có nghĩa không thay đổi với nghĩa của câu đã cho. (1,0 điểm)

1. They will build a new bridge in our village next year.

=> A new bridge _____

2. "Don't forget to phone the office". she told him.

=> She reminded _____

1. Minh hasn't seen his grandparents since September.

=> The last _____

4. We will go without him if he doesn't come in ten minutes.

=> Unless _____

---- HẾT ----

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Đáp án	Điểm
I 1,0 điểm	1	C	0,25
	2	B	0,25
	3	D	0,25
	4	C	0,25
II 2,0 điểm	1	B	0,25
	2	C	0,25
	3	A	0,25
	4	D	0,25
	5	C	0,25
	6	B	0,25
	7	A	0,25
	8	D	0,25
III 1,0 điểm	1	ENCOURAGES	0,25
	2	INCREASINGLY	0,25
	3	SCIENTISTS	0,25
	4	UNCONVENIENT	0,25

Phần	Câu	Đáp án	Điểm
IV 1,5 điểm	1	B	0,25
	2	A	0,25
	3	D	0,25
	4	C	0,25
	5	B	0,25
	6	A	0,25
V 1,5 điểm	1	D	0,25
	2	C	0,25
	3	A	0,25
	4	B	0,25
	5	D	0,25
	6	C	0,25
VI 1,0 điểm	1	D	0,25
	2	A	0,25
	3	B	0,25
	4	C	0,25
VII 1,0 điểm	1	A	0,25
	2	B	0,25
	3	A	0,25
	4	C	0,25

Phần	Câu	Đáp án	Điểm
VIII 1,0 điểm	1	<i>A new bridge will be built in our village next year.</i>	0,25
	2	<i>She reminded him not to forget to phone the office.</i>	0,25
	3	<i>The last time Minh saw his grandparents was September.</i>	0,25
	4	<i>Unless he comes in ten minutes, we will go without him.</i>	0,25

Tổng điểm: 10,0

Lưu ý: - Điểm toàn bài thi làm tròn đến số thập phân thứ nhất (Ví dụ: 6,25 làm tròn thành 6,3; 5,75 làm tròn thành 5,8.

- Học sinh có thể có nhiều cách làm bài khác nhau, nếu đúng vẫn cho điểm tối đa.